

Số: 439/QĐ-ĐHKTCN

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành “Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ
tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp”**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 1796/QĐ-ĐHTN ngày 28/8/2017 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1131/QĐ-ĐHTN ngày 30/7/2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban kèm theo Quyết định này “Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp”.

Điều 2. Quy định này được áp dụng cho khóa tuyển sinh thạc sĩ, tiến sĩ năm 2020. Các khóa tuyển sinh trước đây thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 195/QĐ-ĐHKTCN ngày 19/3/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- BGH (để b/c);
- Lưu VT, ĐT.



PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 12 năm 2020

**QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, TIẾN SĨ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 439 /QĐ-ĐHKTCN ngày 06 tháng 12 năm 2020 của
Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC KÝ HIỆU, VIẾT TẮT	4
PHẦN 1	5
QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ.....	5
Chương I.....	5
QUY ĐỊNH CHUNG.....	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	5
Điều 2. Mục tiêu đào tạo.....	5
Điều 3. Hình thức, ngôn ngữ và thời gian đào tạo	5
Chương II	6
TUYÊN SINH	6
Điều 4. Phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh và địa điểm tổ chức thi tuyển sinh	6
Điều 5. Các môn thi tuyển sinh.....	6
Điều 6. Ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ (viết tắt là: ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần, ngành khác)	7
Điều 7. Học bổ sung kiến thức.....	7
Điều 8. Đối tượng và điều kiện dự thi.....	8
Điều 9. Đối tượng và chính sách ưu tiên	8
Điều 10. Thông báo tuyển sinh	9
Điều 11. Đăng ký dự thi, thông tin về kì thi	9
Điều 12. Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc hội đồng	10
Điều 13. Đề thi tuyển sinh	10
Điều 14. Tổ chức thi tuyển sinh.....	10
Điều 15. Chấm thi tuyển sinh.....	10
Điều 16. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển.....	10

Điều 17. Quyết định trình tuyển và công nhận học viên.....	10
Điều 18. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh.....	10
Chương III.....	11
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	11
Điều 19. Xây dựng chương trình đào tạo.....	11
Điều 20. Yêu cầu đối với việc xây dựng chương trình đào tạo.....	11
Điều 22. Xây dựng và ban hành chương trình đào tạo.....	12
Chương IV.....	13
HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO.....	13
Điều 23. Địa điểm đào tạo.....	13
Điều 24. Tổ chức đào tạo.....	13
Điều 25. Thi, kiểm tra, đánh giá.....	14
Điều 26. Luận văn thạc sĩ.....	15
Điều 27. Hướng dẫn luận văn và điều kiện bảo vệ luận văn.....	16
Điều 28. Hội đồng đánh giá luận văn.....	17
Điều 29. Danh giá luận văn.....	17
Điều 30. Thăm định luận văn.....	18
Điều 31. Những thay đổi trong quá trình đào tạo.....	19
Điều 32. Tốt nghiệp, cấp bằng điểm, cấp bằng thạc sĩ, giấy chứng nhận.....	21
Điều 33. Chế độ báo cáo, lưu trữ.....	22
Chương V.....	23
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TRƯỜNG ĐHKTCN, GIÁNG VIÊN.....	23
HỌC VIÊN.....	23
Điều 34. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường ĐHKTCN.....	23
Điều 35. Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ.....	24
Điều 36. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ.....	25
Điều 37. Nhiệm vụ và quyền của học viên.....	25
Chương VI.....	26
THANH TRA, KIỂM TRA, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....	26
Điều 38. Thanh tra, kiểm tra.....	26
Điều 39. Khiếu nại, tố cáo.....	26
Điều 40. Xử lý vi phạm.....	26
Chương VII.....	27
TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	27
Điều 41. Áp dụng Quy định.....	27
Điều 42. Trách nhiệm tổ chức thực hiện.....	27

PHẦN 2	28
QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ	28
Chương I	28
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	28
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	28
Điều 2. Đối tượng áp dụng	28
Điều 3. Chương trình đào tạo	28
Chương II	29
TUYỂN SINH	29
Điều 4. Phương thức và thời gian tuyển sinh	29
Điều 5. Điều kiện dự tuyển	30
Điều 6. Hồ sơ dự tuyển	31
Điều 7. Thông báo tuyển sinh	32
Điều 8. Tổ chức tuyển sinh và công nhận trúng tuyển nghiên cứu sinh	32
Chương III	32
TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO	32
Điều 9. Tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo	32
Chương IV	34
TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ, VÀ QUYỀN CỦA CÁC CẤP NHẬN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN	34
Điều 10. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ	34
Điều 11. Người hướng dẫn NCS	34
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền của NCS	36
Điều 14. Nhiệm vụ và quyền của DHTN và Trường ĐHKTCN	37
Chương V	38
LUẬN ÁN, ĐÁNH GIÁ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN	38
Điều 15. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ	38
Điều 16. Đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn	39
Điều 17. Phản biện độc lập luận án	40
Điều 18. Điều kiện và hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở hội đồng đánh giá luận án cấp Trường	41
Điều 19. Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường	42
Điều 20. Đánh giá luận án ở cấp Trường	43
Điều 21. Đánh giá luận án theo chế độ mật	44
Điều 22. Đánh giá lại luận án ở cấp Trường	45
Chương VI	45
THẨM ĐỊNH QUẢ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG	45

TIỀN SĨ.....	45
Điều 23. Thăm định quả trình đào tạo và chất lượng luận án.....	45
Điều 24. Hồ sơ thăm định quả trình đào tạo và chất lượng luận án.....	45
Điều 25. Quy trình thăm định quả trình đào tạo và chất lượng luận án.....	46
Điều 26. Hội đồng thăm định luận án.....	46
Điều 27. Xử lý kết quả thăm định.....	47
Điều 28. Cấp bằng tiến sĩ.....	47
Chương VII.....	48
KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....	48
Điều 29. Khiếu nại, tố cáo.....	48
Điều 30. Thanh tra, kiểm tra.....	48
Điều 31. Xử lý vi phạm.....	48
Chương VIII.....	49
TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	49
Điều 32: Quy định chuyên tiếp.....	49
Điều 33. Tổ chức thực hiện.....	50

DANH MỤC KÝ HIỆU, VIẾT TẮT

Ký hiệu	Ý nghĩa
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
BHTN	Đại học Thái Nguyên
BHKTCN	Đại học Kỹ thuật Công nghiệp
CSGDBHTV	Cơ sở Giáo dục Đại học Thành viên
KH&ĐT	Khoa học và Đào tạo
NCS	Nghiên cứu sinh
Gọi tắt	Ý nghĩa
Trường	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp
Hiệu trưởng	Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

PHẦN I QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định Đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (DHKTCN, sau đây gọi tắt là Trường) được cụ thể hóa và xây dựng trên cơ sở Quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), (sau đây gọi tắt là Thông tư 15/2014); Quy định Đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1131/QĐ-DHTN ngày 30/7/2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên (DHTN), (sau đây gọi tắt là Quy định 1131/2014) và Quy chế Tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên (CSGDBHTV), ban hành kèm theo Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

2. Quy định này áp dụng thống nhất trong toàn Trường đối với mọi hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ: tuyển sinh, chương trình và tổ chức đào tạo, nhiệm vụ và quyền hạn của Trường, khoa chuyên môn, giảng viên, học viên, tổ chức và cá nhân có liên quan; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong đào tạo trình độ thạc sĩ. Trong đó, công tác tuyển sinh thực hiện theo Quy định 1311/2014.

3. Quy định này không áp dụng đối với các chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết giữa Trường với cơ sở đào tạo nước ngoài do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường nhằm giúp học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong một lĩnh vực khoa học chuyên ngành hoặc kỹ năng vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo.

Điều 3. Hình thức, ngôn ngữ và thời gian đào tạo

1. Đào tạo theo hình thức giáo dục chính quy.

2. Ngôn ngữ chính thức dùng trong đào tạo là tiếng Việt. Việc đào tạo bằng ngôn ngữ nước ngoài do Giám đốc DHTN quyết định theo quy định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Hiệu trưởng Trường DHKTCN (sau đây gọi tắt là Hiệu trưởng).

3. Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ từ 1,5 đến 2 năm học. Cụ thể:

a) Thời gian 1,5 năm học đối với ngành, chuyên ngành mà ở trình độ đại học có khối lượng kiến thức tối thiểu từ 150 tín chỉ trở lên hoặc tương đương (hệ 5 năm).

b) Thời gian 2 năm học đối với ngành, chuyên ngành mà ở trình độ đại học có khối lượng kiến thức tối thiểu dưới 150 tín chỉ hoặc tương đương (hệ dưới 5 năm).

c) Căn cứ vào quy định về chương trình đào tạo tại Khoản 3, Điều 20 Quy định này, Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian đào tạo và việc kéo dài thời gian đào tạo phù hợp với từng ngành, chuyên ngành. Thời gian đào tạo kéo dài không được quá 2 năm so với thời gian quy định tại Điểm a, b Khoản này.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 4. Phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh và địa điểm tổ chức thi tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh gồm: thi tuyển đối với người Việt Nam và xét tuyển đối với người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Trường.
2. Thực hiện từ 1 đến 2 kì thi tuyển sinh mỗi năm theo quyết định của Giám đốc ĐHTN.
3. Các quy định về phương thức, số lần, thời điểm và địa điểm tổ chức tuyển sinh trong năm sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Trường.

Điều 5. Các môn thi tuyển sinh

1. Thi tuyển sinh bao gồm 3 môn thi, cụ thể như sau:
 - a) Môn thi ngoại ngữ: tiếng Anh. Trình độ và dạng thức đề thi ngoại ngữ do Giám đốc ĐHTN quy định và thông báo công khai trong thông báo tuyển sinh và trên website của Trường.
 - b) Môn cơ bản và môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành: Giám đốc ĐHTN ban hành danh mục môn cơ bản, môn chủ chốt theo đăng ký mở ngành, chuyên ngành đào tạo hoặc theo đề nghị điều chỉnh môn cơ bản, môn chủ chốt của Hiệu trưởng đã được phê duyệt và thông báo công khai trong thông báo tuyển sinh và trên website của Trường.
Môn thi chủ chốt được xác định theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Môn thi chủ chốt kiểm tra kiến thức một môn học hoặc có thể tích hợp kiểm tra kiến thức một số môn học của trình độ đại học.
 - c) Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, Hiệu trưởng có thể xác định ngay trong đề án mở ngành, chuyên ngành hoặc đề nghị ĐHTN xem xét thay môn thi cơ bản bằng phương thức kiểm tra năng lực khác phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo. Phương thức kiểm tra năng lực thí sinh phải được quy định cụ thể về yêu cầu kiểm tra, thang điểm và thực hiện đối với tất cả thí sinh dự tuyển vào ngành, chuyên ngành.
2. Việc thay đổi môn thi tuyển sinh hoặc phương thức kiểm tra năng lực thí sinh do Giám đốc ĐHTN quyết định và báo cáo Bộ GD&ĐT trước khi thông báo tuyển sinh, trên cơ sở văn bản đề nghị của Hiệu trưởng kèm theo biên bản ghi ý kiến liên quan của Hội đồng Khoa học và Đào tạo (KH&ĐT) Trường.
- 3) Thí sinh thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:
 - a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng một trong các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức, được Cục Khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.
 - b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ GD&ĐT về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng.
 - c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài là một trong các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức.

d) Có chứng chỉ tiếng Anh, hoặc chứng chỉ một trong các ngôn ngữ sau: Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức bậc 3/6 trở lên hoặc tương đương (theo Thông tư 15/2014) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi DHTN hoặc cơ sở được Bộ GD&ĐT cho phép, công nhận và được Nhà trường công nhận. Hiệu trưởng giao cho Trung tâm Hợp tác và Đào tạo Quốc tế thăm định và chịu trách nhiệm về tính xác thực của chứng chỉ ngoại ngữ trước khi đưa vào danh sách đề nghị DHTN xem xét về điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ.

Điều 6. Ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ (viết tắt là: ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần, ngành khác)

1. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành đúng/ngành phù hợp khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

2. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành gần khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam cấp III (trừ trường hợp đã quy định tại Khoản 1 Điều này) hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% - 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

3. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành khác khi không cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam cấp III (trừ trường hợp đã được quy định tại Khoản 2 Điều này).

4. Danh mục ngành gần được dự thi tuyển sinh vào từng ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và danh mục ngành khác được dự thi vào ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý do Hiệu trưởng xác định trong hồ sơ đề nghị cho phép mở ngành, chuyên ngành đào tạo thạc sĩ. Việc thay đổi danh mục này do Giám đốc DHTN quyết định trên cơ sở đề nghị của Hiệu trưởng kèm theo biên bản họp ghi ý kiến của Hội đồng KH&ĐT Trường, báo cáo Bộ GD&ĐT trước khi tuyển sinh.

Điều 7. Học bổ sung kiến thức

1. Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác phải học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi dự thi. Người học phải đóng phí các học phần bổ sung theo mức học phí quy định hiện hành đối với hệ đại học.

2. Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp nhưng đã tốt nghiệp cách nhiều năm hoặc bằng tốt nghiệp do cơ sở đào tạo khác cấp, trường khoa chuyên môn xem xét việc học bổ sung kiến thức, nếu thấy cần thiết thì đề nghị Hiệu trưởng quyết định.

3. Việc học bổ sung kiến thức đối với thí sinh đăng ký dự thi được thực hiện như sau:

- Phòng Đào tạo lập danh sách, gửi kèm bảng điểm tốt nghiệp đại học của thí sinh cho khoa quản lý ngành, chuyên ngành mà thí sinh đăng ký dự thi;

- Khoa chuyên môn xem xét và đề xuất số học phần, số tín chỉ mà thí sinh phải học bổ sung kiến thức và gửi danh sách giảng viên tham gia giảng dạy các học phần này;

- Phòng Đào tạo tổ chức lớp học phần bổ sung kiến thức và cấp chứng chỉ hoàn thành học phần cho thí sinh theo quy định.

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên, kể cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên

2. Mức ưu tiên

hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh

hành.

quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện

(d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động.

(c) Con liệt sĩ.

(b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.

thảm quyền.

quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có

tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Người đăng ký dự tuyển phải nộp

hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế

(a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp

1. Đối tượng ưu tiên

Điều 9. Đối tượng và chính sách ưu tiên

quy định của Trường.

4. Nộp hồ sơ, lệ phí đăng ký dự tuyển và lệ phí dự thi đầy đủ, đúng thời hạn theo

tràng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học.

Hiệu trưởng đề nghị Giám đốc ĐHTN xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tuy tình

nhiệm chất độc hoá học theo quy định tại Điểm e Khoản 1, Điều 9 của Quy định này,

3. Có đủ sức khoẻ để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị

đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi

2. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo

nghep đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

nghep làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi kể từ ngày có quyết định công nhận tốt

b) Những đối tượng còn lại, đã có bằng đại học và phải có ít nhất 1 năm kinh

đúng, ngành phù hợp đối với các loại hình đào tạo khác.

khi tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần hệ chính quy; ngành

a) Các đối tượng được đăng ký dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ ngay sau

2. Yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn

lượng - Bộ GD&ĐT thẩm định và công nhận theo quy định.

c) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất

b) Đã tốt nghiệp đại học ngành gần, đã học bổ sung kiến thức theo quy định.

đăng ký dự tuyển vào các ngành, chuyên ngành đào tạo thạc sĩ thuộc Trường.

Người có bằng đại học loại hình không chính quy ngành đúng/ngành phù hợp được

a) Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp.

1. Về văn bằng

nghĩa Việt Nam đáp ứng được các điều kiện sau:

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ

Điều 8. Đối tượng và điều kiện dự thi

được cộng 10 điểm (thang điểm 100) vào kết quả thi môn ngoại ngữ nếu là diện phải thi ngoại ngữ và cộng 1,0 điểm (thang điểm 10) vào kết quả thi môn cơ bản.

Điều 10. Thông báo tuyển sinh

1. Sau khi có thông báo tuyển sinh của ĐHTN, Nhà trường sẽ thông báo công khai, rộng rãi trên website của Trường, Phòng Đào tạo và khoa chuyên môn, đồng thời gửi đến các cơ quan, tổ chức ở các địa phương.

2. Nội dung thông báo tuyển sinh gồm: điều kiện dự thi; danh mục ngành đào tạo; chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành; chuyên ngành; các môn thi tuyển sinh, nội dung thi và dạng thức đề thi hoặc yêu cầu và thang điểm kiểm tra năng lực quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 5 Quy định này; các thông tin cần thiết khác đối với thí sinh trong kỳ thi tuyển sinh.

Điều 11. Đăng ký dự thi, thông tin về kì thi

1. Các thủ tục đăng ký, lập danh sách trích ngang thí sinh, xét duyệt hồ sơ đăng ký dự thi, lập danh sách phòng thi, số báo danh, làm thẻ dự thi, v.v... thực hiện theo quy định của ĐHTN. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm có:

- a) Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu), ghi đầy đủ các mục trên phiếu.
- b) Sơ yếu lý lịch trong thời hạn 6 tháng, dán ảnh và đóng dấu giáp lai, có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý nhân sự, hoặc chính quyền xã/phường/thị trấn nơi cư trú (người chưa có việc làm).
- c) Công văn cử đi dự thi của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhân sự (nếu là cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước).
- d) Bản sao có công chứng quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động dài hạn để chứng nhận tham gia công tác, đối tượng ưu tiên.
- đ) Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học, các bằng cấp liên quan, chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có) theo quy định về đối tượng dự thi, miễn thi ngoại ngữ.

e) Giấy khám sức khỏe của bệnh viện.

g) Giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có).

h) 2 ảnh chân dung cỡ 3x4 cm mới chụp trong thời gian 6 tháng, mặt sau ảnh ghi họ tên, ngày sinh; 2 phong bì dán tem, ghi tên, địa chỉ người nhận.

Người đăng ký dự tuyển cần mang theo các bản chính của giấy tờ trong hồ sơ để xuất trình, kiểm tra khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

2. Chậm nhất 3 tuần trước ngày thi, ĐHTN công bố danh sách thí sinh, phòng thi, số báo danh trên các trang thông tin điện tử: <http://sdt.tnu.edu.vn> và <http://tnu.edu.vn>. Người đăng ký dự tuyển cần tiếp nhận thông tin về kì thi và thông tin về thí sinh trên các website trên để thực hiện đúng, đầy đủ trong kì thi.

3. Trong thời gian quy định, Hiệu trưởng giao cho Trung tâm Tuyển sinh sẽ tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi. Khi nhận hồ sơ cần đối chiếu các bản sao với bản chính, kiểm tra phát hiện giấy tờ, thủ tục, còn thiếu hoặc chưa hợp lệ (nếu có) và thông báo, hướng dẫn ngay cho người dự tuyển bổ sung, hoàn thiện để nộp kịp thời hạn.

Trung tâm Tuyển sinh chỉ được thu nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển đã đầy đủ giấy tờ, thủ tục hợp lệ. Trong và sau ngày thi, Nhà trường không nhận và không giải quyết mọi đề

Điều 18. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh
Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh thực do DHTN tổ chức thực

Điều 17. Quyết định trung tuyển và công nhận học viên
1. Giám đốc DHTN quyết định điểm trung tuyển của ngành, chuyên ngành, ký duyệt danh sách trung tuyển và công khai trên website của DHTN.
2. Giám đốc DHTN ban hành giấy báo nhập học theo danh sách trung tuyển trước ngày nhập học tối thiểu 15 ngày.
3. Sau 15 ngày kể từ ngày quy định nhập học ghi trên giấy báo, nếu người trung tuyển không đến thực hiện thủ tục nhập học mà không có lý do chính đáng, thì được xem như đã tự ý từ bỏ quyền được đào tạo trình độ thạc sĩ ở Trường trong đợt tuyển sinh.
4. Sau 15 ngày kể từ ngày nhập học, Hiệu trưởng báo cáo DHTN về tình hình nhập học, danh sách người không nhập học, đề nghị Giám đốc DHTN xem xét và ra quyết định công nhận học viên thạc sĩ đối với những người trung tuyển nhập học.

Điều 16. Điều kiện trung tuyển, xét tuyển
1. Thí sinh thuộc diện xét trung tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi, kiểm tra (kể cả điểm ưu tiên, nếu có).
2. Kết quả trung tuyển do hội đồng tuyển sinh của DHTN quyết định.
3. Công dân nước ngoài có nguyên vọng được đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường được Hiệu trưởng căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt, nguồn kinh phí đào tạo hoặc học bổng, v.v... đề nghị Giám đốc DHTN quyết định thành lập hội đồng xét tuyển, quyết định công nhận học viên thạc sĩ theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và của DHTN; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó để xét tuyển và quyết định công nhận học viên thạc sĩ.

Điều 15. Chăm thi tuyển sinh
Công tác chăm thi do DHTN tổ chức thực hiện.

Điều 14. Tổ chức thi tuyển sinh
Lịch thi được đưa vào thông báo tuyển sinh và công bố công khai trên website của DHTN. Tổ chức tuyển sinh do DHTN thực hiện.

Điều 13. Đề thi tuyển sinh
Thực hiện theo quy định của DHTN.
Điều 12. Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc hội đồng
1. Các thành viên tham gia hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc hội đồng do Hiệu trưởng quyết định theo yêu cầu của DHTN.
2. Tiêu chuẩn tham gia, nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên hội đồng thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT và DHTN.

nghe về thay đổi, bổ sung văn bản, bảng điểm, đối tượng ưu tiên, đối tượng dự thi, chuyên ngành đào tạo, chứng nhận tham niên công tác của thí sinh.

hiện.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 19. Xây dựng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được xây dựng theo định hướng nghiên cứu hoặc theo định hướng ứng dụng, cụ thể:

1. Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành, chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, bước đầu có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới; có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức ngành, chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 20. Yêu cầu đối với việc xây dựng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Căn cứ vào năng lực, điều kiện và định hướng phát triển đối với từng ngành, chuyên ngành đào tạo của Trường và nhu cầu thực tế về sử dụng nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ để xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu và/hoặc theo định hướng ứng dụng.

2. Xác định rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra của mỗi ngành, chuyên ngành; khối lượng kiến thức, cấu trúc chương trình và yêu cầu đối với luận văn phù hợp với định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng, phù hợp với các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và ĐHTN.

3. Đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu của mỗi chương trình: 30 tín chỉ đối với chương trình đào tạo 1,0 năm học; 45 tín chỉ đối với chương trình đào tạo 1,5 năm và 60 tín chỉ đối với chương trình đào tạo 2,0 năm học. Khối lượng học tập của mỗi tín chỉ theo quy định của Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành.

4. Nội dung chương trình đào tạo thạc sĩ phải thực hiện mục tiêu và đạt được chuẩn đầu ra đã xác định; đảm bảo cho học viên được bổ sung và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; nâng cao năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong ngành, chuyên ngành đào tạo. Phần kiến thức ở trình độ đại học không được quá 5% thời lượng mỗi học phần (nếu cần phải nhắc lại).

Điều 21. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ gồm ba phần: kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành, Luận văn thạc sĩ.

1. Phần kiến thức chung: bao gồm phần triết học và ngoại ngữ.
a) Học phần triết học: 3 tín chỉ (theo quy định của Bộ GD&ĐT về khối kiến thức học phần triết học).

b) Học phần ngoại ngữ: 5 tín chỉ. Chương trình học phần ngoại ngữ ban hành kèm theo Quyết định số 1599/QĐ-DHTN ngày 13/11/2013 của Giám đốc DHTN.

2. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành: bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Các học phần tự chọn chiếm tới 30% khối lượng chương trình đào tạo và số học phần tự chọn phải nhiều hơn số học phần mà học viên được chọn.

3. Luận văn thạc sĩ có khối lượng tối thiểu là 7 và tối đa là 15 tín chỉ hoặc tùy thuộc chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu hoặc theo định hướng ứng dụng.

4. Tùy theo chương trình đào tạo có định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng, trên cơ sở xây dựng của khoa chuyên môn và ý kiến của Hội đồng KH&ĐT, Hiệu trưởng sẽ quyết định tỷ lệ kiến thức cơ sở, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

5. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho học viên tích lũy trong quá trình học tập. Mỗi học phần có khối lượng từ 2 - 3 tín chỉ, được kết cấu dưới dạng một phần của môn học hoặc dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học.

6. Đề cương chi tiết học phần gồm các nội dung: mục tiêu, số tín chỉ, học phần tiên quyết (nếu có), nội dung, hình thức tổ chức dạy học, hình thức và phương pháp đánh giá, học liệu của học phần và các nội dung khác theo yêu cầu của học phần và theo quy định của Trường.

7. Việc xây dựng đề cương chi tiết học phần được Hiệu trưởng giao cho Phòng Đào tạo, các khoa chuyên môn thực hiện theo quy định, thông qua Hội đồng KH&ĐT Trường trước khi trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Việc rà soát, điều chỉnh và bổ sung đề cương chi tiết học phần được Hiệu trưởng quy định như sau: Căn cứ tình hình cụ thể, Phòng Đào tạo hoặc các khoa chuyên môn đề nghị nội dung rà soát, điều chỉnh và bổ sung, thông qua hội đồng khoa và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 22. Xây dựng và ban hành chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo do Hiệu trưởng giao cho Phòng Đào tạo tư vấn, lập kế hoạch và tổ chức xây dựng. Các khoa chuyên môn chịu trách nhiệm thực hiện theo quy định hiện hành về điều kiện mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và về quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo để Hiệu trưởng phê duyệt.

Đối với chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng, trong quá trình xây dựng phải có sự tham gia của tổ chức hoặc cá nhân làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực sử dụng lao động sau đào tạo.

2. Tối thiểu sau mỗi khoa học, Hiệu trưởng giao cho Phòng Đào tạo và các khoa chuyên môn thực hiện rà soát, sửa đổi, cập nhật, bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và tiếp cận với chương trình đào tạo của các nước tiên tiến. Việc sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo (nếu có) thực hiện theo quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hiện hành.

3. Hiệu trưởng quyết định việc sử dụng chương trình đào tạo thạc sĩ đang được áp dụng ở một trường đại học tiên tiến trên thế giới, đã được kiểm định bởi tổ chức kiểm

6. Nhà trường có trách nhiệm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị thực hành hoặc hợp đồng với các cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế, v.v... để đảm bảo điều kiện nghiên cứu, thử nghiệm, thực hành, ứng dụng thực tế cho người học phù hợp với yêu cầu của ngành, chuyên ngành và loại chương trình đào tạo.

chức giảng dạy nếu học viên có yêu cầu và đánh giá học phần theo quy định tại Điều 25 của Quy định này.

5. Không bắt buộc học viên phải học học phần ngoại ngữ tại Trường, nhưng phải có trình độ thạo tiếng Anh của DHTN, của Trường và quy định liên quan đến khóa học. kiểm tra, thi, thi lại; thời gian tổ chức bảo vệ và bảo vệ lại luận văn; Quy định đào tạo khoa, đề cương chi tiết các học phần trong chương trình; kế hoạch học tập; kế hoạch khóa, đề cương thông báo cho học viên về chương trình đào tạo toàn

4. Đầu khóa học, Nhà trường thông báo cho học viên về chương trình đào tạo toàn nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của học viên. hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo và năng lực phát bảng cách phối hợp tập trên lớp với tự học, tự nghiên cứu; coi trọng năng lực phát 3. Tổ chức giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo phải được thực hiện phục vụ đào tạo liên quan.

dùng cho hệ đại học chính quy của Trường, có sự phục vụ của thư viện và các đơn vị Thời gian hoạt động giảng dạy trình độ thạc sĩ được thực hiện theo thời gian áp tuần thu quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 3 Quy định này.

theo kế hoạch phải dài hơn thời gian thiết kế để hoàn thành chương trình đào tạo và phải bằng thời gian theo quy định. Trong trường hợp này, thời gian để hoàn thành khóa học trung tâm đột với điều kiện tổng thời gian tập trung để hoàn thành chương trình phải Riêng đối với chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng, có thể tổ chức tập học tập nghiên cứu để thực hiện chương trình đào tạo.

2. Các khóa học trình độ thạc sĩ được tổ chức tập trung toàn bộ thời gian cho việc 1. Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo học chế tín chỉ.

Điều 24. Tổ chức đào tạo

Hiệu trưởng đề báo cáo DHTN phê duyệt. phần chương trình ở ngoài trường, kể cả tại phân hiệu đóng ở địa phương (nếu có), trình cần thiết, Hiệu trưởng giao cho Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo một 2. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, trong trường hợp

Số 666, Đường 3-2, phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. 1. Địa điểm đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu là trụ sở Trường:

Điều 23. Địa điểm đào tạo

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Chương IV

định chất lượng giáo dục được Bộ GD&ĐT công nhận, có điều chỉnh cho phù hợp với DHTN, đảm bảo học phần triết học đúng quy định, được Hội đồng KH&ĐT Trường thông qua và phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ. 4. Sau khi hoàn thành xây dựng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng báo cáo DHTN về chương trình đào tạo thạc sĩ trước khi triển khai đào tạo để thực hiện quản lý, chỉ đạo và phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Trường.

7. Lớp thạc sĩ được tổ chức theo khóa học và ngành, chuyên ngành đào tạo; cán bộ quản lý lớp là phó trưởng khoa phụ trách công tác chuyên môn của khoa quản lý ngành, chuyên ngành đào tạo.

8. Phòng Đào tạo tổ chức lớp, xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa và từng học kỳ cho các lớp thạc sĩ; thông báo kế hoạch đào tạo cho các khoa chuyên môn và cho học viên vào đầu khóa học.

9. Khoa chuyên môn phân công cán bộ quản lý lớp, giảng viên giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo (2-3 giảng viên/học phần) và hướng dẫn luận văn thạc sĩ theo kế hoạch; khoa chuyên môn chịu trách nhiệm quản lý về mặt chuyên môn của giảng viên được phân công tham gia chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ do khoa quản lý.

Điều 25. Thi, kiểm tra, đánh giá

1. Việc đánh giá học phần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được trình độ của người học; công khai, minh bạch các quy định về đánh giá và kết quả đánh giá học phần.

b) Đề thi, kiểm tra phải phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu học phần đã xác định trong đề cương chi tiết.

c) Đúng hình thức và phương pháp đánh giá đã được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

d) Kết hợp kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập với thi kết thúc học phần.

đ) Kết hợp một số hình thức đánh giá (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp, v.v...) phù hợp với yêu cầu của học phần.

e) Kết hợp đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của người học.

2. Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm chuyên cần (nếu có) và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra thường xuyên, điểm chuyên cần (nếu có) và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng đã được quy định trong đề cương chi tiết của học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Mỗi học phần có ít nhất 1 bài kiểm tra thường xuyên; học viên phải có thời gian lên lớp từ 80% trở lên thì mới được dự thi kết thúc học phần.

Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

3. Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt 5,5 trở lên theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 27 Quy định này thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số học phần có điểm dưới 5,5 (kể cả những học phần đã đạt điểm 5,5 trở lên nếu học viên có nhu cầu và Hiệu trưởng xem xét quyết định), hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn). Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong 2 lần học. Học viên phải đóng học phí các học phần đăng ký học lại theo mức học phí quy định đối với đào tạo trình độ thạc sĩ.

4. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa được tính:

Với: A là điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa;

B_i là số tín chỉ của học phần thứ i;

H_i là điểm của học phần thứ i;

N là tổng số tín chỉ của toàn bộ chương trình đào tạo;

n là số học phần trong chương trình đào tạo (kể cả điểm đánh giá luận văn).

6. Học viên được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ, dù điều kiện về ngoại ngữ

theo Điểm b, Khoản 2, Điều 27 của Quy định này trong các trường hợp sau:

a) Thuộc quy định tại các điểm a, b, c Khoản 3, Điều 5 Quy định này và chứng chỉ còn

trong thời hạn 2 năm tính đến ngày bảo vệ luận văn.

c) Học chương trình đào tạo thạc sĩ giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài; đạt trình

độ ngoại ngữ khi trúng tuyển tối thiểu theo quy định; học viên được giảng dạy, viết và

bảo vệ luận văn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

7. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ, hoặc được miễn đánh giá học phần ngoại

ngữ được ghi vào bảng điểm học tập toàn khóa, nhưng không tính vào điểm trung bình

chung của các học phần (điểm trung bình chung tích lũy). Những trường hợp học viên đủ

điều kiện về ngoại ngữ, được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ thì được coi như đã học

đủ 5 tín chỉ của học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

Điều 26. Luận văn thạc sĩ

1. Đề tài luận văn

a) Đề tài luận văn do khoa chuyên môn công bố hoặc do học viên đề xuất kèm theo

đề cương nghiên cứu, được người hướng dẫn đồng ý và học viên chấp thuận. Trường

hội đồng đánh giá đề cương trước khi gửi lên Trường thông qua Phòng Đào tạo. Hội

đồng đánh giá đề cương luận văn thạc sĩ gồm ít nhất 3 thành viên do khoa chuyên môn đề

xuất, Phòng Đào tạo tư vấn, trình Hội đồng phê duyệt. Yêu cầu đối với thành viên hội

đồng đánh giá đề cương quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 28 Quy định này.

b) Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài cho học viên và cử người hướng dẫn chăm

nhất 6 tháng trước khi bảo vệ luận văn, trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa chuyên môn

và Trường phòng Đào tạo.

c) Việc thay đổi đề tài trước khi tổ chức bảo vệ luận văn do Hiệu trưởng ra quyết

định trên cơ sở đơn đề nghị của học viên, có ý kiến đồng ý của người hướng dẫn, trưởng

khoa chuyên môn và Trường phòng Đào tạo.

2. Yêu cầu đối với luận văn:

a) Luận văn của chương trình theo định hướng nghiên cứu là một bảo cáo khoa học,

có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn

đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo.

b) Luận văn của chương trình theo định hướng ứng dụng là một bảo cáo chuyên đề

kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc bảo cáo kết quả tổ

chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới, v.v... trong lĩnh vực

chuyên ngành vào thực tế.

c) Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam.

d) Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào.

đ) Luận văn được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết, không tẩy xóa. 3. Hiệu trưởng giao cho Phòng Đào tạo xây dựng quy định cụ thể về cấu trúc, khối lượng, cách thức trình bày của đề cương, luận văn, bản tóm tắt luận văn theo yêu cầu của từng ngành, chuyên ngành đào tạo và các vấn đề khác liên quan đến luận văn, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 27. Hướng dẫn luận văn và điều kiện bảo vệ luận văn

1. Hướng dẫn luận văn:

a) Mỗi luận văn có một hoặc hai người hướng dẫn. Trường hợp có hai người hướng dẫn, trong quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn cần ghi rõ người hướng dẫn thứ nhất và người hướng dẫn thứ hai.

b) Người hướng dẫn luận văn phải có chuyên môn đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đào tạo thạc sĩ. Người có chức danh giáo sư được hướng dẫn tới đa 7 học viên; có học vị tiến sĩ khoa học hoặc chức danh phó giáo sư được hướng dẫn tới đa 5 học viên; có học vị tiến sĩ được hướng dẫn tới đa 3 học viên trong cùng thời gian, kể cả học viên của cơ sở đào tạo khác. Người có học vị tiến sĩ phải có đủ thời gian 12 tháng trở lên tính từ ngày có quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ.

c) Riêng đối với luận văn thuộc chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng thì người hướng dẫn thứ hai có thể là người có học vị thạc sĩ từ 36 tháng trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 15 năm kinh nghiệm làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực của đề tài; được hướng dẫn tới đa 2 học viên trong cùng thời gian, tính trong tất cả các cơ sở đào tạo có tham gia hướng dẫn.

2. Điều kiện bảo vệ luận văn:

a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10).

b) Đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Phụ lục 2).

c) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến của người hướng dẫn xác nhận luận văn đạt các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 của Quy định này.

d) Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật chỉ học tập.

đ) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

3. Đối với luận văn chưa đạt yêu cầu, chưa được phép bảo vệ, Hiệu trưởng có thể cho phép trong thời gian tối đa 3 tháng tính từ ngày bắt đầu đợt bảo vệ luận văn, học viên phải bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện, nếu luận văn đạt các yêu cầu quy định tại Khoản 2,

Điều 26 thì xem xét cho phép đưa ra bảo vệ.

Điều 28. Hội đồng đánh giá luận văn

1. Hội đồng đánh giá luận văn do Hiệu trưởng quyết định thành lập, dựa trên danh sách giới thiệu, đề nghị của trường khoa chuyên môn và Trường phòng Đào tạo, trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc tính từ ngày học viên nộp luận văn và đủ điều kiện bảo vệ theo quy định tại Khoản 2, Điều 27 Quy định này.

2. Hội đồng đánh giá luận văn có 5 thành viên, gồm: chủ tịch, thư ký, hai phản biện và ủy viên. Hội đồng có tối thiểu hai thành viên ở ngoài Trường, thuộc hai đơn vị khác nhau, trong đó ít nhất có một người là phản biện.

3. Yêu cầu đối với thành viên hội đồng đánh giá luận văn:

a) Các thành viên Hội đồng là những người có học vị tiến sĩ đã đủ thời gian 24 tháng trở lên tính từ ngày có quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ, hoặc có chức danh phó giáo sư, giáo sư cùng ngành, chuyên ngành đào tạo với học viên, am hiểu lĩnh vực của đề tài luận văn.

Đối với luận văn định hướng ứng dụng, trong số các thành viên hội đồng ngoài Trường phải có tối thiểu một người đang làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực của đề tài. Trường hợp không có người đang làm công tác thực tế đủ tiêu chuẩn thành viên Hội đồng theo quy định trên thì có thể mời người có học vị thạc sĩ từ 36 tháng trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 15 năm kinh nghiệm làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực của đề tài tham gia là ủy viên hội đồng.

b) Chủ tịch hội đồng là người có năng lực chuyên môn và uy tín khoa học, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của hội đồng.

c) Người phản biện phải là người am hiểu sâu sắc lĩnh vực của đề tài luận văn.

d) Người hướng dẫn luận văn; người có quan hệ bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với người bảo vệ luận văn không tham gia hội đồng.

đ) Thành viên Hội đồng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan trong việc nhận xét, đánh giá luận văn theo quy định tại Khoản 1, Điều 29 Quy định này.

4. Hội đồng họp để đánh giá luận văn trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thành lập hội đồng. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận văn trong các trường hợp sau: Vắng mặt chủ tịch hoặc thư ký hội đồng; vắng mặt người có ý kiến không tán thành luận văn; vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên.

Trong trường hợp có lý do khách quan, Hiệu trưởng quyết định việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng nhưng vẫn phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều này và thời hạn tổ chức họp hội đồng đánh giá luận văn được tính từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng.

Điều 29. Đánh giá luận văn

1. Luận văn được đánh giá công khai tại phiên họp của hội đồng (trừ một số đề tài thuộc lĩnh vực bảo mật theo quy định của cơ quan có thẩm quyền). Hội đồng tập trung chủ yếu vào đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận văn; mức độ đáp ứng yêu cầu đối với luận văn theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy định này; đảm bảo đánh giá đúng kiến thức của học viên và khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề mà đề tài luận văn đặt ra.

2. Điểm chấm luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10 có thể là

Khi có đơn tố cáo đúng quy định của Luật Tố cáo, có căn cứ rõ ràng cho thấy luận

1. Thành lập hội đồng thẩm định

Điều 30. Thẩm định luận văn

Hội đồng thẩm định luận văn do Phòng Đào tạo xây dựng quy định chi tiết về thủ tục, nội dung, trình tự tổ chức đánh giá một luận văn; hồ sơ, các biên bản về bảo vệ luận văn; yêu cầu đối với ban nhân xét luận văn; xây dựng nội dung và ban hành phiếu chấm luận văn theo thang điểm quy định; quy định cụ thể về hướng dẫn thành viên hội đồng đánh giá luận văn xem xét về chất lượng, tính hợp lệ của bài báo/báo cáo khoa học/đề tài nghiên cứu khoa học, đề tài ứng dụng đối với chấm điểm nội dung thành tích nghiên cứu cho luận văn.

Đội với học viên thuộc diện gia hạn thời gian đào tạo, Nhà trường có thể tổ chức hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ riêng (ngoài hai đợt chính) theo đề nghị của học viên, khoa chuyên môn và Phòng Đào tạo. Các trường hợp đặc biệt khác do Hội đồng thẩm định luận văn được ghi vào kế hoạch đào tạo của khoa học.

5. Mỗi năm Nhà trường tổ chức hai đợt chính đánh giá luận văn thạc sĩ, tương ứng với hai đợt tuyển sinh trong năm (không kể việc tổ chức cho những học viên phải bảo vệ lại luận văn). Thời gian của mỗi đợt tổ chức bảo vệ luận văn do Hội đồng thẩm định luận văn và

4. Sau ngày báo về luận văn tối đa 20 ngày, học viên phải chỉnh sửa luận văn theo ý kiến góp ý của hội đồng chấm luận văn, có báo cáo giải trình những điểm cần bổ sung, chỉnh sửa. Luận văn đã chỉnh sửa và báo cáo giải trình phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng đánh giá luận văn. Trường hợp chủ tịch hội đồng đi vắng, không thể thực hiện xác nhận đúng thời hạn quy định về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, Hội đồng thẩm định luận văn (bảng văn bản) cho một người có thẩm quyền và am hiểu về lĩnh vực chuyên môn của luận văn kiểm tra và xác nhận thay. Ban báo cáo giải trình; bản sao biên bản họp hội đồng đánh giá luận văn và các nhân xét của phân biên; văn bản của Hội đồng thẩm định luận văn và cho người xác nhận thay chủ tịch hội đồng đánh giá luận văn (nếu có) được đóng kèm ở cuối luận văn, nộp cho Phòng Đào tạo kiểm tra, xác nhận trước khi gửi vào Thư viện Trường và Trung tâm Học liệu DHTN.

3. Trong trường hợp luận văn báo về không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn để bảo vệ lần thứ hai trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày báo về luận văn lần thứ nhất; không tổ chức bảo vệ luận văn lần thứ ba. Nếu học viên có nguyện vọng thì Hội đồng thẩm định luận văn để tài mới. Trong trường hợp này, không tổ chức bảo vệ lại nếu luận văn không đạt yêu cầu. Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại Điều 3, Khoản b, Điều 3 Quy định này. Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, tổ chức đánh giá lại, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn tối đa 9,0 điểm và điểm thành tích nghiên cứu tối đa 1,0 điểm cho những luận văn mà học viên đã có bài báo khoa học liên quan công bố trên danh mục tập chí khoa học do Hội đồng thẩm định, hoặc đề tài ứng dụng đã được cơ sở, đơn vị ứng dụng đồng ý bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả nghiên cứu. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân. Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của hội đồng chấm từ 5,5 điểm trở lên.

a) Học viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp: Được điều động vào lực lượng vũ trang hoặc làm nghĩa vụ quốc tế; bị ốm, bị tai nạn phải điều trị thời gian dài hoặc nghỉ thai sản theo quy định, có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền. Đối với các trường hợp khác, chỉ giải quyết cho nghỉ học tạm thời đối với học viên đã học tới thiếu một học kỳ, đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10 hoặc tương đương và không trong thời gian bị kỷ luật.

1. Nghỉ học tạm thời

Điều 31. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

do học viên tự chỉ trả.

c) Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, thực hiện và bảo vệ đề tài mới Điều 28 và các khoản 1, 2, 4, Điều 29 Quy định này.

thăng. Hiệu trưởng tổ chức đánh giá luận văn theo các quy định tại Khoản 2, Điều 27, Điều 3 Quy định này thì học viên được thực hiện đề tài mới trong thời gian tối đa 6 tháng. Nếu học viên có nguyện vọng thì Hiệu trưởng giao đề tài mới. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, c) Trường hợp hợp đã bảo vệ lại luận văn hoặc đề tài không cần thiết tiếp tục nghiên cứu, nếu học viên có nguyện vọng thì Hiệu trưởng giao đề tài mới.

b) Trường hợp hợp đã bảo vệ lại luận văn hoặc đề tài không qua 3 tháng.

học viên được giao hạn tối đa không quá 3 tháng. thành chương trình đào tạo theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 3 Quy định này thì tại các khoản 1, 2, 4, Điều 29 Quy định này. Trường hợp hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn được chỉnh sửa, bổ sung và bảo vệ lại luận văn trước hội đồng thẩm định theo quy định

a) Trường hợp chưa bảo vệ lại luận văn, đề tài vẫn cần thiết nghiên cứu thì học viên pháp thì quyền và trách nhiệm của học viên giải quyết như sau:

nghiệp. Những trường hợp luận văn không đạt yêu cầu không vì lý do sao chép bất hợp bằng hoặc thu hồi, hủy bỏ bằng thạc sĩ đã cấp (nếu có) do học viên chưa đủ điều kiện tốt Nếu hội đồng thẩm định kết luận luận văn không đạt yêu cầu thì phải dừng việc cấp

3. Xử lý kết quả thẩm định luận văn không đạt yêu cầu

cung cấp tài liệu (nếu có) tới hội đồng thẩm định.

phiên họp của hội đồng thẩm định, nhưng được Trường thông báo và có thể gửi ý kiến,

c) Tác giả, người hướng dẫn, thành viên hội đồng đánh giá luận văn không tham dự

Điều 29 Quy định này.

b) Việc thẩm định luận văn được thực hiện theo quy định tại các Khoản 1, 2, 4,

và hạn chế của luận văn, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận văn thạc sĩ.

phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; đánh giá thành công

trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung,

trung lập về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính

cần thiết của việc nghiên cứu đề tài luận văn, sự phù hợp với chuyên ngành; sự không

a) Trước khi họp hội đồng thẩm định, các thành viên hội đồng có bàn nhận xét về sự

2. Thẩm định luận văn

luận văn.

không qua 2 người; thành viên hội đồng thẩm định không trùng với hội đồng đánh giá

2, 3, Điều 28 Quy định này; trong đó nếu có thành viên là cán bộ của Trường thì tối đa

lương, yêu cầu đối với thành viên hội đồng thẩm định luận văn theo quy định tại Khoản

khi thấy cần thiết, Hiệu trưởng quyết định thành lập hội đồng thẩm định luận văn. Số

văn không đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy định này, hoặc

b) Thời gian nghỉ học tạm thời cho người được điều động vào lực lượng vũ trang, đi làm nghĩa vụ quốc tế là thời gian được ghi trong quyết định của cấp có thẩm quyền, không tính vào thời gian học theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 3 Quy định này.

Thời gian nghỉ học tạm thời cho các trường hợp khác là thời gian cần thiết theo nhu cầu, nguyện vọng của học viên nhưng thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 3 Quy định này.

c) Hiệu trưởng giao cho Phòng Đào tạo xây dựng quy định cụ thể các thủ tục xin nghỉ, thẩm quyền cho nghỉ, tiếp nhận học viên trở lại học tập và tiếp tục hoàn thành chương trình đào tạo, việc đóng học phí, chi phí khác (nếu có) sau thời gian học viên nghỉ học tạm thời và quyết định cho phép học viên nghỉ học tạm thời trên cơ sở các quy định trên, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

2. Chuyển cơ sở đào tạo

a) Trong thời gian học tập, học viên được phép chuyển cơ sở đào tạo nếu chuyển vùng cư trú sang tỉnh khác, có giấy xác nhận của chính quyền địa phương hoặc học viên được tuyển dụng, điều động công tác đến tỉnh khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền, không thể tiếp tục học tập tại trường, trừ trường hợp được quy định tại Điểm c, Khoản này.

b) Điều kiện được chuyển cơ sở đào tạo: cơ sở đào tạo chuyển đến đang đào tạo đúng ngành, chuyên ngành của học viên; nguyện vọng chuyển cơ sở đào tạo của học viên phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng Trường ĐHKTCN và thủ trưởng cơ sở đào tạo nơi chuyển đến.

c) Học viên không được chuyển cơ sở đào tạo khi đang học ở học kỳ cuối của khóa học hoặc đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

d) Hồ sơ, thủ tục chuyển đi, chuyển đến:

Hiệu trưởng đề nghị với Giám đốc ĐHTN xem xét phê duyệt (có kèm theo hồ sơ xin chuyển cơ sở đào tạo của học viên). Hồ sơ, thủ tục chuyển đi, chuyển đến, gồm có:

- Học viên xin chuyển đi: Học viên phải có đơn xin chuyển cơ sở đào tạo, được Hiệu trưởng Trường ĐHKTCN cho phép chuyển đi và kí tên, đóng dấu xác nhận; có văn bản đồng ý tiếp nhận của thủ trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

- Học viên xin chuyển đến Trường ĐHKTCN: Học viên phải có đơn xin chuyển đến, trên đơn có ý kiến cho phép chuyển đi của thủ trưởng cơ sở đang đào tạo học viên và kí tên, đóng dấu xác nhận, có ý kiến đồng ý tiếp nhận và kí tên, đóng dấu xác nhận của Hiệu trưởng Trường ĐHKTCN, kèm theo các giấy tờ: hồ sơ học viên, bản sao quyết định công nhận học viên của thủ trưởng cơ sở đào tạo tuyển học viên, bảng điểm hoặc giấy xác nhận kết quả những học phần đã học.

Học viên xin chuyển cơ sở đào tạo phải có giấy xác nhận chuyển nơi cư trú đến tỉnh khác của chính quyền địa phương hoặc quyết định tuyển dụng, điều động công tác của cấp có thẩm quyền.

3. Chuyển ngành, chuyên ngành đào tạo

Trong thời gian học tập, học viên có thể được phép chuyển ngành, chuyên ngành đào tạo một lần, khi có đơn đề nghị với lí do chính đáng. So với ngành, chuyên ngành đã đăng ký dự tuyển, ngành, chuyên ngành học viên có nguyện vọng chuyển sang phải thỏa mãn các điều kiện: cùng nhóm ngành (cùng trong danh mục có mã số gồm 6 chữ số của Danh mục Giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, được ban hành kèm theo

Thông tư số: 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, có chung môn thi tuyển sinh, có điểm xét tuyển không cao hơn điểm xét tuyển của ngành, chuyên ngành từng tuyển, có chung các học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức cơ sở. Việc cho phép chuyển ngành, chuyển đào tạo do Hiệu trưởng quyết định và chỉ giải quyết trước khi bắt đầu học các học phần kiến thức ngành, chuyên ngành.

4. Những trường hợp thay đổi khác Hiệu trưởng đề nghị Giám đốc DHTN xem xét, giải quyết.

Điều 32. Tốt nghiệp, cấp bằng điểm, cấp bằng thạc sĩ, giấy chứng nhận

1. Điều kiện tốt nghiệp

- a) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn quy định tại Khoản 2, Điều 27 Quy định này.
- b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên.
- c) Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng hoặc xác nhận của người có thẩm quyền được Hiệu trưởng giao nhiệm vụ về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đồng kèm bản báo cáo giải trình, bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phần biên cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định tại Điều c, Khoản 2, Điều 33 Quy định này.

d) Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của trường và Trung tâm Học liệu thuộc DHTN.

2. Mỗi năm Nhà trường tổ chức hai lần chính xét công nhận tốt nghiệp cho học viên thạc sĩ (các trường hợp đặc biệt khác, Hiệu trưởng có thể xem xét và cho phép tổ xét tốt nghiệp bổ sung). Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng quyết định thành lập. Hội đồng do Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng được ủy quyền làm chủ tịch; Trường/Phó phòng Đào tạo làm ủy viên thường trực; các ủy viên là các trường khoa có học viên tốt nghiệp, đại diện thanh tra đào tạo và đại diện lãnh đạo đơn vị có liên quan đến quá trình đào tạo (nếu có). Hội đồng căn cứ vào điều kiện tốt nghiệp để xét, lập danh sách những học viên đủ điều kiện, đề nghị Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp. Chủ tịch hội đồng xét tốt nghiệp của Trường phải thông báo lịch họp xét tốt nghiệp cho DHTN trước ít nhất 7 ngày để Giám đốc DHTN cử cán bộ có trách nhiệm đến dự họp năm tình hình.

Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp gồm có: bản danh sách trích ngang học viên được xét tốt nghiệp theo chuyên ngành đào tạo, được lập bởi Phòng Đào tạo và ủy viên thường trực hội đồng xét tốt nghiệp, và hồ sơ cá nhân học viên được xét tốt nghiệp. Thành phần hồ sơ cá nhân học viên bao gồm:

- Bản sao bằng và bằng điểm tốt nghiệp đại học;
- Chứng nhận năng lực ngoại ngữ theo quy định;
- Bảng điểm học tập thạc sĩ toàn khóa;
- Lý lịch khoa học;
- Hồ sơ bảo vệ luận văn theo quy định của Trường;
- Giấy chứng nhận đã nộp: luận văn, tóm tắt luận văn, đĩa CD-ROM copy luận văn và copy tóm tắt luận văn của Trung tâm Học liệu DHTN, Thư viện Trường;
- Bản sao giấy khai sinh;
- Cam kết thông tin cá nhân ghi trên bằng thạc sĩ.

3. Bảng điểm học tập toàn khóa của học viên được viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh, ghi rõ: ngành, chuyên ngành, loại chương trình đào tạo (định hướng nghiên cứu/

định hướng ứng dụng), tên các học phần trong chương trình đào tạo, thời lượng của mỗi học phần, điểm học phần lần 1 và lần 2 (nếu có), điểm trung bình chung các học phần, kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ (hoặc được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ), tên đề tài luận văn, điểm luận văn và danh sách thành viên hội đồng đánh giá luận văn.

4. Hiệu trưởng Trường ĐHKTCN ra quyết định công nhận tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ và bảng điểm cho học viên theo đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp. Việc cấp phát, quản lý bằng thạc sĩ, bản sao bằng thạc sĩ phải tuân thủ quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và ĐHTN.

5. Nhà trường có thể tổ chức lễ trao bằng cho người được cấp bằng thạc sĩ. Trong thời gian chờ đợi thực hiện thủ tục cấp bằng, nếu có đề nghị, học viên được Hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp và bản sao bảng điểm thạc sĩ.

6. Nhà trường lập hồ sơ đề nghị Giám đốc ĐHTN duyệt và cấp phát phôi bằng thạc sĩ theo quy định.

Hồ sơ đề nghị cấp phôi bằng thạc sĩ gồm có:

- Văn bản báo cáo về khóa đào tạo trình độ thạc sĩ, có xác nhận của Hiệu trưởng với các nội dung: Tổng số học viên và số học viên từng chuyên ngành theo các quyết định công nhận học viên và quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo của Giám đốc ĐHTN; một số nét chính về tình hình thực hiện kế hoạch đào tạo của khóa học; số phôi bằng thạc sĩ đề nghị được cấp (tương ứng với số học viên tốt nghiệp). Danh sách trích ngang học viên tốt nghiệp và được cấp bằng thạc sĩ.

- Các quyết định của Giám đốc ĐHTN và của Hiệu trưởng: quyết định công nhận học viên thạc sĩ của khóa tốt nghiệp và các khóa học khác có người tốt nghiệp cùng đợt (nếu có); quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có): tiếp nhận học viên chuyển đến, cho phép học viên chuyển cơ sở đào tạo, cho phép học viên nghỉ học tạm thời, cho phép học viên chuyển chuyên ngành đào tạo. Các quyết định xử lý kỉ luật học viên và những quyết định liên quan khác.

- Biên bản cuộc họp xét công nhận tốt nghiệp.

- Bản Photocopy trang thông tin điện tử đã đăng toàn văn luận văn thạc sĩ.

- Lệ phí cấp phôi bằng theo quy định của Giám đốc ĐHTN.

7. Thủ tục cấp bù phôi bằng thạc sĩ: Trường hợp có phôi bằng bị hỏng trong quá trình viết thông tin/kí tên/đóng dấu, v.v... Trường có văn bản gửi ĐHTN nêu rõ lí do và đề nghị được cấp bù phôi khác, kèm theo các phôi bằng bị hỏng.

8. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc ĐHTN về toàn bộ quá trình viết nội dung bằng, kí tên, đóng dấu, lập sổ gốc cấp phát văn bằng, bảo quản văn bằng và quy trình cấp phát văn bằng thạc sĩ. Những văn bằng chưa cấp phát phải được bảo quản cẩn thận, tuyệt đối không để xảy ra mất mát, hư hỏng vì bất kì lí do nào.

9. Nếu học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp, học viên không hoàn thành chương trình đào tạo khi đã hết thời gian đào tạo (bao gồm cả thời gian kéo dài theo quy định) và theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 3 Quy định này, không bị kỷ luật buộc thôi học, có yêu cầu thì được Hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

Điều 33. Chế độ báo cáo, lưu trữ

1. Chế độ báo cáo:

Tháng 12 hàng năm, Hiệu trưởng giao cho Phòng Đào tạo xây dựng văn bản báo cáo tổng kết công tác đào tạo sau đại học, trong đó có nội dung về đào tạo trình độ thạc sĩ của năm, trình Hiệu trưởng phê duyệt và gửi ĐHTN, bao gồm các nội dung: Danh sách giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên và số liệu thực hiện kế hoạch tuyển sinh theo từng ngành, chuyên ngành đào tạo; số học viên hiện có và số dự kiến tốt nghiệp năm sau; những nét chính về thực hiện kế hoạch năm học, khóa học; dự kiến số lần tuyển sinh cho ngành, chuyên ngành và chỉ tiêu tuyển sinh năm sau; những đề nghị với ĐHTN (nếu có). Các số liệu nêu trong báo cáo cần đảm bảo chính xác, các nhận định, đánh giá cần cụ thể và sát thực tiễn.

2. Lưu trữ:

a) Tài liệu quá trình đào tạo, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ của ĐHTN và của Trường phải được bảo quản an toàn trong kho lưu trữ. Giám đốc ĐHTN, Hiệu trưởng có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc bảo quản tài liệu lưu trữ theo quy định.

b) Quyết định trúng tuyển, sổ gốc ghi điểm học phần, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng thạc sĩ, cấp phát bản sao văn bằng, cấp phôi bằng là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn.

c) Luận văn đã được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện được lưu trữ, bảo quản tối thiểu 30 năm, kể từ khi người học tốt nghiệp.

d) Việc tiêu hủy tài liệu hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương V **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TRƯỜNG ĐHKTCN, GIẢNG VIÊN,** **HỌC VIÊN**

Điều 34. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường ĐHKTCN

1. Trên cơ sở đề nghị của Phòng Đào tạo và ý kiến nhất trí của Hội đồng KH&ĐT Trường, Hiệu trưởng ban hành quy định chi tiết quy định về quản lý và tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị, trong đó có thể đề ra những quy định cao hơn so với Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Giám đốc ĐHTN nhằm nâng chất lượng đào tạo.

2. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm đối với ngành, chuyên ngành đang đào tạo, báo cáo ĐHTN đúng thời gian quy định. Thực hiện đầy đủ sự phân công, chỉ đạo của ĐHTN trong công tác tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.

3. Xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, xuất bản, lựa chọn giáo trình, xây dựng và triển khai kế hoạch giảng dạy đối với các ngành, chuyên ngành đã tuyển sinh; chuẩn bị điều kiện về giảng viên, cơ sở vật chất, điều tra nhu cầu xã hội và lập hồ sơ đăng ký đào tạo ngành, chuyên ngành mới.

4. Tổ chức, quản lý, triển khai chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành theo kế hoạch năm học, khóa học đã được phê duyệt. Quản lý việc học tập và nghiên cứu khoa học, kể cả đối với giờ tự học của học viên.

5. Xét điều kiện và ra quyết định công nhận học viên tốt nghiệp; cấp văn bằng, bằng điểm thạc sĩ, cấp bản sao văn bằng, bằng điểm thạc sĩ cho người tốt nghiệp (nếu có nhu

- (câu); quản lý văn bản, lập và quản lý sổ gốc cấp phát văn bản, lập và sổ cấp bản sao theo quy định hiện hành. Cấp chứng nhận tốt nghiệp hoặc chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định.
6. Quản lý kinh phí, khai thác, tạo nguồn bổ sung; đầu tư, sử dụng và quản lý các nguồn lực khác trong đào tạo trình độ thạc sĩ theo đúng quy định.
7. Tự tổ chức thanh, kiểm tra, đánh giá và công bố công khai kết quả tự đánh giá chất lượng đào tạo; đăng ký tham gia kiểm định chương trình đào tạo thạc sĩ với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ GD&ĐT công nhận.
8. Công bố công khai trên website của trường: các văn bản quy định và thông tin về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo, kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho các ngành, chuyên ngành đã được phép đào tạo; chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy; danh sách học viên từng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng thạc sĩ theo từng khoa học; toàn văn các luận văn đã bảo vệ đạt yêu cầu theo từng ngành, chuyên ngành đào tạo và các đề tài luận văn đang được nghiên cứu; cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng (gồm đội ngũ giảng viên giảng dạy và hướng dẫn luận văn; cơ sở vật chất, trang thiết bị (bảo đảm đáp ứng yêu cầu của luận văn, chuyên ngành) và các khoản thu, chi tài chính đối với người học và các thông tin khác theo quy định.
9. Căn cứ vào các quy định của pháp luật và nội dung của Quy định này, xây dựng quy định chi tiết và công bố công khai các hình thức xử lý đối với hành vi vi phạm Quy chế của công chức, viên chức, giảng viên, người lao động, người học.
10. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ theo quy định tại Điều 33 Quy định này.
11. Bồi hoàn học phí cho người học nếu Nhà trường vi phạm Quy định này hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật dẫn đến người học (không vi phạm) không được cấp bằng.
12. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.
- Điều 35. Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ**
1. Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ bao gồm giảng viên cơ hữu và/hoặc giảng viên thỉnh giảng, được phân công nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và/hoặc hướng dẫn học viên thực hành, thực tập, thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ.
2. Giảng viên cơ hữu được quy định tại Điều lệ trường đại học.
3. Ngoài các tiêu chuẩn giảng viên đại học quy định tại Điều lệ trường đại học, giảng viên tham gia giảng dạy các học phần lý thuyết chương trình đào tạo thạc sĩ phải có học vị tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư; giảng viên giảng dạy học phần ngoài ngữ cho các chuyên ngành không chuyên ngôn ngữ ngoài, giảng viên giảng dạy học phần triết học hoặc người hướng dẫn thực hành, thực tập phải có học vị thạc sĩ trở lên.
4. Giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên (các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, nghệ nhân, nghệ sĩ, v.v... ở trong nước và nước ngoài) tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ phải đảm bảo tiêu chuẩn theo các quy định hiện hành, phải là chuyên gia có uy tín trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành đào tạo.

- Điều 36. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ**
1. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Trường, của ĐHTN và của Nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.
 2. Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.
 3. Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.
 4. Được hưởng các chính sách đối với giảng viên trong đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định của Nhà nước và của Trường.
 5. Không được tự tổ chức hoặc thực hiện việc phụ đạo, hướng dẫn ôn tập với mục đích để người học dự thi tuyển sinh vào đào tạo trình độ thạc sĩ.
 6. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.
 7. Ngoài các nhiệm vụ và quyền trên, người hướng dẫn luận văn cho học viên có thêm nhiệm vụ và quyền sau:
 - a) Hướng dẫn học viên xây dựng và thực hiện kế hoạch nghiên cứu đề tài.
 - b) Theo dõi, kiểm tra và đôn đốc học viên nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập theo yêu cầu của đề tài.
 - c) Từ chối không hướng dẫn học viên và thông báo bằng văn bản cho Nhà trường trong các trường hợp: đã hướng dẫn đủ số lượng tối đa theo quy định tại Điểm b, c Khoản 1 Điều 27 Quy định này; sau một tháng kể từ ngày nhận quyết định cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ hoặc không tuân thủ sự hướng dẫn hoặc không hoàn thành kế hoạch nghiên cứu mà không có lý do chính đáng.
 - d) Xác nhận kết quả nghiên cứu và duyệt luận văn của học viên; đề nghị và chịu trách nhiệm về việc đề nghị Nhà trường cho học viên bảo vệ luận văn nếu thấy đáp các ứng yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy định này; giúp đỡ học viên sửa chữa luận văn và xác nhận về việc luận văn đã được sửa chữa theo kết luận của hội đồng đánh giá trong thời gian quy định để đảm bảo điều kiện xét tốt nghiệp cho học viên.
- Điều 37. Nhiệm vụ và quyền của học viên**
1. Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành pháp luật; nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà nước, ĐHTN và của Trường.
 2. Đồng học phí, bao gồm cả phần học phí tăng thêm do phải học bổ sung, học lại, bảo vệ luận văn lần hai hoặc thực hiện đề tài luận văn mới theo quy định hợp pháp của ĐHTN, của Trường.
 3. Tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, nhân viên của ĐHTN, của Trường.
 4. Được tôn trọng, đối xử bình đẳng và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến việc học tập của mình.
 5. Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của Trường theo quy định cho việc học tập, nghiên cứu.
 6. Được đề nghị Nhà trường thay người hướng dẫn luận văn nếu sau một tháng, kể từ khi nhận được quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ được với người hướng dẫn hoặc không được hướng dẫn thực hiện đề tài luận văn.
 7. Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Nhà trường về chương trình đào tạo, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động liên quan đến quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo thạc sĩ.

c) Nhà trường nếu vi phạm Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị Giám đốc ĐHTN có hình thức xử lý hoặc đề nghị Bộ GD&ĐT, các cơ quan chức năng có hình thức giáo dục, xử lý.

văn bản cho thủ tục công tác quản lý cán bộ của người vi phạm về hành vi vi phạm để của đợt đó, hoặc lâu dài hoặc vĩnh viễn, trường hợp cần thiết sẽ kết hợp thông báo bằng thay thế khỏi danh sách hội đồng đánh giá luận văn và dừng tham gia luận văn chấm dứt hợp đồng tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ một năm hoặc vĩnh viễn, hoặc bị thuộc ĐHTN vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ, hành vi vi phạm sẽ bị đình chỉ, hành. Nếu giảng viên thỉnh giảng, giảng viên của CSGDĐHTV hoặc của đơn vị khác hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật hiện luận văn trong thời hạn tối thiểu một năm, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính phạm sẽ bị tạm dừng việc giảng dạy, hướng dẫn luận văn, tham gia hội đồng đánh giá hướng dẫn, đánh giá luận văn nếu vi phạm Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị đình chỉ, người lao động của Trường tham gia quản lý, giảng dạy,

b) Công chức, viên chức, người lao động của Trường tham gia quản lý, giảng dạy, thạc sĩ đã cấp đối với người vi phạm và báo cáo Giám đốc ĐHTN.

thời học. Nếu phát hiện sau khi cấp bằng thì Hiệu trưởng quyết định thu hồi, hủy bỏ bằng kiểm tra hồ, học hồ, sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả trong hồ sơ tuyển sinh sẽ bị buộc Đối với các trường hợp: thi hồ, kiểm tra hồ, học hồ hoặc nhờ người khác thi hồ, viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp chính quy hiện hành.

phạm hành chính, bị xử lý kỷ luật theo Quy định này, hoặc theo Quy chế Học sinh, sinh a) Nếu học viên vi phạm Quy định này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật, quản lý đào tạo:

2. Xử lý vi phạm trong tổ chức, quản lý đào tạo:

luật theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

vi phạm quy chế, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ Người tham gia công tác tuyển sinh, thi sinh dự thi trong kỳ thi tuyển sinh có hành 1. Xử lý vi phạm trong tuyển sinh:

Điều 40. Xử lý vi phạm

hiện hành của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Việc khiếu nại, tố cáo; giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của ĐHTN, của Trường, của giảng viên, cán bộ quản lý và học viên.

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm quy chế

Điều 39. Khiếu nại, tố cáo

trình độ thạc sĩ tại Trường.

hoạch, chương trình, quy chế đào tạo và các vấn đề khác liên quan đến quá trình đào tạo Nhà trường có trách nhiệm tổ chức tự kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện kế

Điều 38. Thanh tra, kiểm tra

THANH TRA, KIỂM TRA, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Chương VI

10. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.
8. Được tham gia hoạt động đoàn thể, tổ chức xã hội trong Trường.
9. Được bồi hoàn học phí nếu học viên không có lỗi, do vi phạm của Nhà trường dẫn đến việc không được cấp bằng thạc sĩ.

có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các trách nhiệm pháp lý khác đã được quy định. Trong trường hợp này, Hiệu trưởng và những người trực tiếp vi phạm bị xử lý kỷ luật; người vi phạm gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm xử lý công chức, viên chức, người lao động, học viên vi phạm và báo cáo ĐHTN, thông báo tới cơ quan chủ quản/ đơn vị/ địa phương nơi người bị xử lý đang làm việc, cư trú.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 41. Áp dụng Quy định

Công tác quản lý, triển khai nội dung, kế hoạch đào tạo trình độ thạc sĩ đối với các khóa tuyển sinh từ tháng 10 năm 2018 trở đi áp dụng theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Quyết định số 1131/QĐ-ĐHTN ngày 30/7/2014 của Giám đốc ĐHTN và các quy định của Quy định này.

Điều 42. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Đối với từng thời kỳ, giai đoạn và năm học, Hiệu trưởng sẽ ban hành những văn bản chỉ đạo, quy định cụ thể, chi tiết về thực hiện các nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo, triển khai chương trình và kế hoạch đào tạo, về công tác tuyển sinh, phương pháp, nội dung, chương trình đào tạo cũng như chuẩn đầu ra trong đào tạo trình độ thạc sĩ phù hợp với sự phát triển của Nhà trường và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội; kịp thời kiến toàn, bổ sung, thay đổi phù hợp về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Phòng Đào tạo theo hướng chuyên sâu, nâng cao chất lượng công tác tham mưu cho lãnh đạo.

Căn cứ vào của Quy định này, Hiệu trưởng giao cho Phòng Đào tạo và các khoa chuyên môn xây dựng quy trình chi tiết về đào tạo trình độ thạc sĩ: tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập; quản lý người học; đánh giá luận văn; xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ; bổ sung cập nhật, sửa đổi chương trình đào tạo đối với các ngành, chuyên ngành đang đào tạo; phát triển các ngành, chuyên ngành đào tạo mới theo năng lực và nhu cầu xã hội, cụ thể hóa các nội dung trong Quy định này phù hợp với tình hình thực tiễn của Nhà trường.

PHẦN 2 QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (DHKTCN, sau đây gọi tắt là Trường) nhằm cụ thể hóa các nội dung của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) (sau đây gọi tắt là Quy chế 08/2017) và Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-BHTN ngày 28/8/2017 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên (BHTN, sau đây gọi tắt là Quy định 1796/2017).

2. Quy định này về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường, bao gồm: tuyển sinh; tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của cá nhân và các đơn vị liên quan; luận giá và bảo vệ luận án; thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiêu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng thống nhất trong toàn Trường, bao gồm Phòng Đào tạo, các phòng có liên quan, các khoa chuyên môn, các tổ chức và cá nhân tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường.

2. Quy định này không áp dụng đối với các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ giữa Trường DHKTCN với các cơ sở đào tạo của nước ngoài, do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng và các chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ giữa Trường DHKTCN với các cơ sở đào tạo ngoài do hai bên cùng cấp bằng (nếu có).

Điều 3. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do Trường DHKTCN xây dựng, thẩm định và ban hành theo các quy định hiện hành, đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh (NCS) có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với NCS có bằng tốt nghiệp đại học.

b) Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức lý thuyết và kiến thức thực tế; kỹ năng nhân thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bắc 8 của Khung trình độ Quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Khung trình độ quốc gia).

2. Kết cấu chương trình đào tạo bao gồm: các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ và luận án tiến sĩ.

3. Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ cho NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

a) Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ: căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ

thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu, Hiệu trưởng giao cho Phòng Đào tạo và các khoa chuyên môn xác định số học phần và khối lượng tín chỉ NCS cần phải học bổ sung, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

b) Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành (sau đây gọi chung là ngành) tương ứng.

4. Các học phần ở trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao trình độ lý luận ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu. Mỗi NCS phải hoàn thành 8 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng kiến thức từ 17 - 20 tín chỉ. Cụ thể:

a) Các học phần bắt buộc gồm:

- Tiểu luận tổng quan yêu cầu NCS thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Tiểu luận tổng quan có khối lượng kiến thức tương đương 3 tín chỉ;

- Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu NCS nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Mỗi NCS phải hoàn thành 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng kiến thức 6 tín chỉ.

b) Các học phần ở trình độ tiến sĩ (gồm học phần bắt buộc và học phần tự chọn):

- Mỗi NCS phải hoàn thành 4 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng kiến thức từ 8 - 10 tín chỉ, mỗi học phần có khối lượng kiến thức từ 2 - 3 tín chỉ, trong đó các học phần tự chọn chiếm 50% số tín chỉ;

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp NCS cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu.

5. Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của NCS, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án. Luận án tiến sĩ có khối lượng từ 70 - 80 tín chỉ.

6. Nhà trường có thể sử dụng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 36 Luật giáo dục đại học.

7. Nếu có NCS đăng ký học, viết luận án và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh, Hiệu trưởng giao cho Phòng Đào tạo phối hợp với các phòng chức năng và các khoa chuyên môn có liên quan xây dựng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Anh, đồng thời phải đáp ứng các điều kiện về đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm nhiệm việc đào tạo chương trình tiến sĩ bằng tiếng Anh.

Chương II TUYỂN SINH

Điều 4. Phương thức và thời gian tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

2. Số lần tuyển sinh trong năm: Hàng năm, ĐHTN tổ chức các đợt tuyển sinh

chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ cùng với kỳ thi tuyển sinh sau đại học. Ngoài ra, ĐHTN có thể tổ chức tuyển sinh một số đợt theo kế hoạch và đề án tuyển sinh của Trường theo đúng quy định (Phụ lục I). Giám đốc ĐHTN quyết định số lần, thời điểm tuyển sinh và thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của ĐHTN, của Trường.

Điều 5. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc có bằng thạc sĩ:
 - a) Danh mục ngành đào tạo phù hợp được đăng ký xét tuyển đối với từng ngành đào tạo trình độ tiến sĩ do Hiệu trưởng xác định và được công khai trong đề án tuyển sinh.
 - b) Văn bằng đại học, thạc sĩ do cơ sở giáo dục đại học nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng (trước đây là Cục khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục) công nhận.
2. Là tác giả ít nhất 1 bài báo hoặc báo cáo khoa học liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 3 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.
3. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:
 - a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác.
 - b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.
 - c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên, Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên hoặc Chứng chỉ Cambridge examination (CAE 45 - 59), Cambridge examination (PET Pass with Distinction) do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Một số loại chứng chỉ tiếng nước ngoài khác minh chứng về năng lực ngoại ngữ theo bảng tham chiếu dưới đây (được cấp trong thời hạn 24 tháng):

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2; DELF B2 Diplôme de Langue
2	Goethe – Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
3	TestDaF	TDN3- TDN4
4	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 6
5	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
6	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2

- d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại Điểm a Khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại Điểm b Khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương

- Giấy khám sức khỏe của bệnh viện;
- h) Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của trường;
- dự tuyển là công chức, viên chức).
- g) Công văn cử đi dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người
- Những nhân xét khác và mức độ ứng hồ, giới thiệu thi sinh làm NCS.
- Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;
- Tiến vòng phát triển về chuyên môn;
- Khả năng làm việc theo nhóm;
- Khả năng nghiên cứu;
- Phương pháp làm việc;
- Năng lực hoạt động chuyên môn;
- Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;
- Năng lực hoạt động chuyên môn;
- Khả năng nghiên cứu;
- Khả năng làm việc theo nhóm;
- Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;
- Tiến vòng phát triển về chuyên môn;
- Những nhân xét khác và mức độ ứng hồ, giới thiệu thi sinh làm NCS.
- g) Công văn cử đi dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).
- h) Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của trường;
- Giấy khám sức khỏe của bệnh viện;

Điều 6. Hồ sơ dự tuyển

1. Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

a) Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu Phụ lục II).

b) Sơ yếu lý lịch trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển, có xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú. Sơ yếu lý lịch phải dán ảnh của người đăng ký xét tuyển và đóng dấu giáp lai của cơ quan, đơn vị hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú.

c) Bản sao (có công chứng) bằng tốt nghiệp và bằng điểm đại học; bằng tốt nghiệp và bằng điểm thạc sĩ.

d) Bản sao chụp bìa, mục lục và toàn văn các bài báo/báo cáo khoa học đã công bố. Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và tham niên công tác (nếu có).

đ) Đề cương nghiên cứu (theo mẫu quy định của Trường).

e) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 1 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhân xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

1. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ:
a) Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ (kể từ khi có quyết định công nhận NCS và phân công người hướng dẫn của Trường) được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 35 Luật giáo dục đại học và Điều 4, Khoản d, Điều 2 Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và đảm bảo hoàn thành khối lượng học tập tối thiểu theo quy định tại Khoản 1, Điều

Điều 9. Tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo

Chương III TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

NCS, trình Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài luận án; báo cáo DHTN. Hiệu trưởng giao cho Phòng Đào tạo tổ chức đánh giá đề cương chi tiết đề tài luận án của môn. Chậm nhất 6 tháng sau khi có quyết định công nhận NCS và người hướng dẫn, Nhà trường có văn bản giao NCS về hoạt động chuyên môn tại khoa quản lý chuyên quyết định công nhận NCS và phân công người hướng dẫn, xác định thời gian đào tạo.

b) Sau thời gian tối đa 20 ngày kể từ khi NCS nhập học, Hiệu trưởng ban hành sinh trúng tuyển.

a) Căn cứ danh sách thí sinh đã được Giám đốc DHTN - Chủ tịch hội đồng tuyển sinh quyết định công nhận trúng tuyển, DHTN gửi giấy triệu tập nhập học đến các thí sinh.

2. Triệu tập thí sinh trúng tuyển:
tiểu ban chuyên môn xét tuyển; quyết định phê duyệt danh sách người trúng tuyển. của các cá nhân và tập thể tham gia tổ chức tuyển sinh; Hội đồng tuyển sinh, ban thư ký, DHTN quy định chi tiết việc tổ chức tuyển sinh, tiêu chuẩn, số lượng, nhiệm vụ và quyền 1. Căn cứ quy định tại Điều b, Khoản 2, Điều 24 Luật giáo dục đại học, Giám đốc

Điều 8. Tổ chức tuyển sinh và công nhận trúng tuyển NCS

thăng.
Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác trước khi tổ chức xét tuyển ít nhất 3 tháng.
2. Thông báo tuyển sinh được công bố trên trang thông tin điện tử của DHTN, của Hiệu trưởng phê duyệt và báo cáo DHTN ra thông báo tuyển sinh.

1. Hiệu trưởng giao cho Trường tâm Tuyển sinh xây dựng nội dung thông tin trong thông báo tuyển sinh theo đề án tuyển sinh của Trường và các quy định hiện hành, trình

Điều 7. Thông báo tuyển sinh

2. Số lượng hồ sơ: 2 bộ (1 bộ lưu tại Trường; 1 bộ báo cáo DHTN).
của người nhận (để gửi thông báo trúng tuyển và nhập học, lưu hồ sơ).

- 3 ảnh chân dung mới chụp cỡ 4cm x 6cm và 2 phong bì có dán tem và ghi địa chỉ

sơ dữ liệu điện tử quản lý lưu học sinh của Bộ GD&ĐT.
hồ chiếu có đóng dấu ngày xuất, nhập cảnh; (iv) minh chứng đã đăng ký vào Hệ thống cơ theo học; (ii) xác nhận của cơ sở giáo dục nước ngoài nơi đã học tập; (iii) bản sao hợp lệ liên quan sau: (i) xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước sở tại đã

cấp cần có minh chứng về học toàn thời gian ở nước ngoài, gồm một trong các tài liệu - Người có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài

ngoại, chứng chỉ ngoại ngữ.
- Bản sao có công chứng văn bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước

3 Quy định này. Thời gian đào tạo 3 năm đối với chương trình có khối lượng kiến thức tối thiểu 90 tín chỉ và 4 năm đối với chương trình có khối lượng kiến thức tối thiểu 120 tín chỉ;

b) Trong trường hợp đặc biệt, NCS được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập theo quy định tại Khoản 7 Điều này.

2. Việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy, NCS phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại Trường trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận NCS và phân công người hướng dẫn.

3. Việc tổ chức dạy và học các học phần bổ sung, các học phần trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ được Hiệu trưởng giao cho Phòng Đào tạo và các khoa chuyên môn triển khai, thực hiện tại Trường.

a) Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch học tập toàn khóa và từng học kỳ cho các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ; thông báo kế hoạch đào tạo cho khoa chuyên môn và cho NCS vào đầu khóa.

b) Khoa chuyên môn phân công giảng viên giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo, người hướng dẫn và tổ chức đánh giá chuyên đề, tiểu luận tổng quan, hướng dẫn luận án tiến sĩ cho NCS. Khoa chuyên môn chịu trách nhiệm quản lý về mặt chuyên môn của giảng viên được phân công tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do khoa quản lý.

c) Trong trường hợp Nhà trường không đào tạo chương trình có học phần cần bổ sung cho NCS thì gửi NCS theo học ở các cơ sở đào tạo khác đã được phép đào tạo chương trình có học phần này theo thỏa thuận giữa cơ sở đào tạo và Trường.

4. Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ, thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian quy định tại khoản 2 Điều này. Trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ, NCS phải thường xuyên tham dự và có tối thiểu 4 báo cáo Seminar ở khoa quản lý chuyên môn. Tùy thuộc vào tình hình cụ thể Hiệu trưởng sẽ quy định chi tiết về số lần, nội dung và hình thức tổ chức Seminar ở khoa quản lý chuyên môn.

5. Những thay đổi trong quá trình đào tạo:

a) Việc thay đổi đề tài luận án được thực hiện khi NCS, người hướng dẫn đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo quy định tại Khoản 1, Điều 3 của Quy định này trong thời gian quy định tại các điểm a, b và c, Khoản 7 Điều này. Việc thay đổi đề tài luận án chỉ được thực hiện trong nửa đầu thời gian đào tạo.

b) Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khóa học theo quyết định công nhận NCS (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của NCS còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận NCS và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo trình độ tiến sĩ ở ngành tương ứng. Trường hợp NCS từ cơ sở đào tạo khác chuyển đến Trường thì tùy từng trường hợp cụ thể Hiệu trưởng xem xét tiếp nhận và báo cáo ĐHTN ra quyết định tiếp nhận NCS. Thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận NCS của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà NCS cần bổ

sung (nếu có) do Hiệu trưởng quyết định.

6. Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, gia hạn và rút ngắn thời gian học tập:
a) NCS được xác định là hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án đã được hội đồng đánh giá cấp Trường thông qua trong thời gian quy định tại Điều a, Khoản 2 Điều này.

b) Trong trường hợp NCS không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn, NCS phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Trong thời gian này, NCS phải theo học tập trung liên tục tại Trường. Hiệu trưởng ra quyết định gia hạn thời gian học tập và nghiên cứu cho NCS, tối đa không quá 12 tháng/1 lần gia hạn.
Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của NCS không được hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua (bao gồm cả trường hợp cho phép đánh giá lại theo quy định tại Điều 22 Quy định này) thì Hiệu trưởng có văn bản báo cáo ĐHTN ra quyết định cho NCS thời học. Kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

c) Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho phép NCS được rút ngắn thời gian học tập nếu hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định của Quy chế 08/2017 và Quy định này. Thủ tục hồ sơ báo về luận án trước thời hạn bao gồm: Đơn đề nghị báo về luận án trước thời hạn của NCS, ý kiến đề nghị của người hướng dẫn; Biên bản xét đề nghị của khoa quản lý chuyên môn. Việc báo về luận án trước thời hạn không sớm hơn 2/3 thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ của NCS được ghi trong quyết định.

Chương IV **TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA CÁC CẢ NHÂN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN**

Điều 10. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Tiêu chuẩn giảng viên:
a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại Khoản 1, Điều 54 Luật giáo dục đại học.

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo.

c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên hoặc đã và đang tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Tỉnh, Bộ và ĐHTN trở lên.

d) Là tác giả chính tới thiểu 2 bài báo hoặc công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong thời hạn 5 năm tính đến ngày được phân công giảng dạy.

2. Giảng viên thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học và các quy định liên quan.

3. Hồ sơ và thủ tục người nước ngoài tham gia đào tạo chương trình tiến sĩ thực hiện theo quy định của Trường.

Điều 11. Người hướng dẫn NCS

1. Tiêu chuẩn người hướng dẫn độc lập:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại Khoản 1,

Điều 54 Luật Giáo dục đại học.

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ chuyên môn phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của NCS; đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 3 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ.

c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên.

d) Là tác giả chính tối thiểu 1 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí của cơ sở dữ liệu ISI Thomson Reuters hoặc của cơ sở dữ liệu Scopus - Elsevier (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI - Scopus) hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành; hoặc là tác giả chính của tối thiểu 2 báo cáo đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế có phân biên, hoặc 2 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phân biên thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến đề tài luận án của NCS.

đ) Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, ngoài việc phải đáp ứng quy định tại Điểm d Khoản này phải là tác giả chính của thêm 1 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus.

e) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế.

g) Người hướng dẫn độc lập phải là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Trường (hoặc của các CSGDBHTV trong ĐHTN) hoặc là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường.

2. Mỗi NCS có tối đa 2 người hướng dẫn, trong đó:

a) Người hướng dẫn chính phải có đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Người hướng dẫn phụ phải có các tiêu chuẩn tối thiểu quy định tại các Điểm a, b, c, Khoản 1 Điều này.

c) Ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Trường hoặc là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của ĐHTN.

3. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học.

b) Tài cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 5 NCS; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 4 NCS; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 3 NCS.

c) Không được hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn NCS mới nếu trong vòng 6 năm (72 tháng) tính đến thời điểm được giao nhiệm vụ có 2 NCS có luận án không được hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua, bao gồm cả việc đánh giá lại luận án quy định tại Điều 22 của Quy định này (nếu có).

d) Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc NCS thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học.

đ) Thông qua luận án của NCS, đề nghị đề luận án được đánh giá ở đơn vị chuyên môn và tại hội đồng đánh giá luận án cấp Trường nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 15 của Quy định này.

- e) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.
4. Hồ sơ và thủ tục người nước ngoài tham gia hướng dẫn NCS thực hiện theo quy định của Trường.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền của NCS

1. Thực hiện quy định tại các Điều 60, 61 Luật giáo dục đại học.
2. Xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học toàn khoá và từng học kỳ, được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua.
3. Định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả đạt được 6 tháng/1 lần.
4. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án.
5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của Trường.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền của đơn vị chuyên môn

Khoa quản lý chuyên môn có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học của NCS; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch.
2. Quản lý NCS trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học tại đơn vị chuyên môn.
3. Tổ chức sinh hoạt khoa học, Seminar định kỳ để NCS báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu; phân công cho NCS trợ giảng và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tập.
4. Xem xét thông qua hoặc không thông qua đề nghị đưa luận án của NCS ra đánh giá ở hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn/hội đồng đánh giá luận án cấp Trường trên cơ sở quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 16 của Quy định này. Tổ chức việc đánh giá luận án của NCS ở đơn vị chuyên môn theo sự phân công của Hiệu trưởng.
5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định, bao gồm:
 - a) Đề xuất các tiêu chuẩn chuyên môn xét tuyển NCS theo chuyên ngành đào tạo thuộc khoa, bộ môn quản lý.
 - b) Xem xét và thông qua trước khi gửi Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định các học phần cần thiết phải học trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ; các học phần trình độ tiến sĩ; các chuyên đề tiến sĩ; bài tiểu luận tổng quan; kế hoạch đào tạo đối với từng NCS; giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của NCS.
 - c) Quy định lịch làm việc của NCS với người hướng dẫn; lịch NCS báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu trong năm học. Tổ chức xem xét đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu; tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu; khả năng và triển vọng của NCS và đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc tiếp tục học tập đối với từng NCS.
 - d) Đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của NCS.
 - đ) Quản lý chặt chẽ NCS trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu. Định kỳ 6 tháng một lần báo cáo Hiệu trưởng (thông qua Phòng Đào tạo) về tình hình học tập, nghiên cứu của NCS; đồng thời thông qua Nhà trường gửi báo cáo này đến cơ quan/đơn vị công tác của NCS.
- e) Các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của Trường.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền của DHTN và Trường ĐHKTCN

1. Nhiệm vụ và quyền của DHTN quy định tại Khoản 1, Điều 14, Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Quyết định số 1796/QĐ-DHTN 28/8/2017 của Giám đốc DHTN.

2. Nhiệm vụ và quyền của Trường ĐHKTCN:

a) Xây dựng, ban hành và công bố công khai quy định chi tiết của Trường về đề án tuyển sinh, điều kiện xét tuyển, danh mục lĩnh vực nghiên cứu và danh sách cán bộ khoa học cơ hữu đủ điều kiện tham gia hướng dẫn NCS, đề xuất hội đồng chuyên môn xét tuyển NCS; ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết liên quan đến tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ thuộc Trường.

b) Công bố công khai thông tin liên quan đến đề án tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ trên trang thông tin điện tử của Trường, của Phòng Đào tạo.

c) Phối hợp với DHTN tổ chức tuyển sinh đào tạo tiến sĩ.

d) Chịu trách nhiệm toàn bộ các khâu tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ, đánh giá luận án của NCS, xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tiến sĩ theo các quy định hiện hành. Cụ thể:

- Quyết định công nhận NCS và phân công người hướng dẫn, xác định thời gian đào tạo; quyết định thành lập hội đồng đánh giá đề cương chi tiết đề tài luận án của NCS (trong đó có quy định cụ thể tiêu chuẩn của người tham gia hội đồng); quyết định giao đề tài luận án cho NCS; quyết định thay đổi trong quá trình đào tạo NCS; quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn, thành lập hội đồng đánh giá luận án cấp Trường; Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tiến sĩ;

- Quyết định phân công NCS về hoạt động tại khoa/ bộ môn quản lý chuyên môn; quyết định phân công người hướng dẫn chuyên đề tiến sĩ, bài tiểu luận tổng quan và thành lập hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ, bài tiểu luận tổng quan. Quy định tiêu chuẩn người hướng dẫn chuyên đề tiến sĩ, bài tiểu luận tổng quan; số lượng và thành phần hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ, bài tiểu luận tổng quan.

d) Đảm bảo đủ các điều kiện và cơ sở vật chất cần thiết cho giảng viên, người hướng dẫn, NCS và hội đồng đánh giá luận án (bao gồm cả nhiệm vụ sử dụng công cụ công nghệ thông tin để kiểm tra và rà soát việc sao chép luận án, chuyển kết quả cho hội đồng đánh giá luận án cấp Trường để hội đồng xem xét, đánh giá, kết luận).

e) Tổ chức các hội thảo khoa học; hướng dẫn NCS xuất bản bài báo khoa học trên tạp chí nghiên cứu khoa học của DHTN và các tạp chí khoa học chuyên ngành khác.

g) Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ trong nội bộ Trường.

h) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ, bao gồm:

- Vào tháng 12 hằng năm, báo cáo DHTN về công tác đào tạo tiến sĩ, cấp bằng tiến sĩ, chỉ tiêu và kế hoạch tuyển NCS từng ngành của năm tiếp theo (theo mẫu tại Phụ lục của Quy chế 08/2017);

- Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, báo cáo DHTN danh sách trích ngang NCS đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại hội đồng đánh giá bảo vệ luận án cấp Trường trong 2 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục của Quy chế 08/2017);

- Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

Chương V

LUẬN AN, DANH GIA VÀ BẢO VỆ LUẬN AN

Điều 15. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Luận án tiến sĩ đáp ứng quy định tại Khoản 5, Điều 3 Quy định này và được thông qua tại hội thảo ở khoa quản lý chuyên môn đảm bảo về khối lượng, hình thức, cách trình bày luận án, quy định trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo (có thể xem mẫu Phụ lục VI của Quy chế 08/2017). Cụ thể:

a) Luận án được viết bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng nước ngoài sử dụng kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 13-14, mã Unicode; mật độ chữ bình thường. Paragraph: dẫn dòng (Lines spacing) đặt ở chế độ 1.5 lines hoặc Multiple 1.3-1.5 pt (tùy theo cỡ chữ); Before: 0.3-0.6 pt, after 0 pt; lề trên 3.0 cm; lề dưới 2.0-2.5 cm; lề trái 3.0 - 3.5 cm; lề phải 2.0 cm. Số trang được đánh ở giữa, phía trên mỗi trang.

Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục. Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm:

- Lý do lựa chọn đề tài, bài toán nghiên cứu, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học hoặc thực tiễn của đề tài.
- Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu.
- Cơ sở lý thuyết, lý luận, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu.

- Kết quả nghiên cứu và phân tích đánh giá.
- Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo.
- Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án theo thứ tự A, B, C; tiếng Việt trước, tiếng Anh sau.
- Phụ lục (nếu có).

Tùy thuộc vào đặc thù của ngành đào tạo, Hiệu trưởng giao cho Phòng Đào tạo và các khoa quản lý chuyên môn xây dựng quy định cụ thể cấu trúc của luận án, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

b) Tóm tắt luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 24 trang A5, được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, có nội dung phù hợp với luận án, không tẩy xóa. Tóm tắt luận án gồm có bản tiếng Việt và bản tiếng Anh.

2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có). Hiệu trưởng giao Phòng Đào tạo xây dựng quy định cụ thể cách trích dẫn tài liệu tham khảo khi đưa vào trong nội dung luận án, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

b) Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà NCS là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép NCS

- được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu.
- c) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.
- Điều 16. Danh giá luận án ở đơn vị chuyên môn**
1. Điều kiện để NCS được đăng ký danh giá luận án ở đơn vị chuyên môn (cấp cơ sở trước đây):
- Đã hoàn thành các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ quy định tại các khoản 3, 4, Điều 3 của Quy định này.
 - Đã công bố tối thiểu 2 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án, trong đó có 1 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI- Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 2 báo cáo trong kỳ yêu hội thảo quốc tế có phần biên hoặc 2 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phần biên.
 - Được tập thể hoặc người hướng dẫn NCS đồng ý cho đăng ký danh giá luận án ở đơn vị chuyên môn.
 - Luận án được viết và bảo vệ bằng tiếng Anh khi Nhà trường đáp ứng điều kiện tại Khoản 7, Điều 3 của Quy định này và có khả năng thành lập hội đồng danh giá luận án bằng tiếng Anh.
- d) Hồ sơ đăng ký danh giá luận án ở đơn vị chuyên môn gồm:
- Phiếu đăng ký bảo vệ luận án tiến sĩ của NCS có ý kiến đồng ý của tập thể hướng dẫn;
 - Biên bản họp xét thông qua luận án ở khoa qua quản lý chuyên môn (kèm theo bản giới thiệu danh sách tối thiểu 15 nhà khoa học đủ điều kiện tham gia hội đồng theo Điểm a, Khoản 3, Điều 16 Quy định này);
 - Luận án, tóm tắt luận án; bản sao chụp các công trình khoa học liên quan đến đề tài luận án;
- Văn bản đồng ý của đồng tác giả các công trình khoa học (nếu có);
 - Lý lịch khoa học của NCS (trong thời gian 3 tháng);
 - Các quyết định: Quyết định công nhận thí sinh tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ, quyết định công nhận NCS và người hướng dẫn, quyết định giao đề tài luận án cho NCS, quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);
 - Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần trình độ tiến sĩ;
 - Bảng điểm chuyên đề tiến sĩ, bài tiểu luận tổng quan;
 - Các loại văn bản khác: (i) Quyết định và biên bản tiểu ban danh giá các chuyên đề tiến sĩ; (ii) Quyết định và biên bản tiểu ban danh giá bài tiểu luận tổng quan; (iii) Biên bản và toàn văn nội dung của ít nhất 4 lần seminar của NCS ở đơn vị chuyên môn.
2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng danh giá luận án ở đơn vị chuyên môn (hội đồng danh giá luận án cấp cơ sở trước đây); chỉ đạo tổ chức danh giá luận án tiến sĩ ở đơn vị chuyên môn. Việc danh giá luận án ở đơn vị chuyên môn là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 1 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra danh giá ở hội đồng danh giá luận án cấp Trường; các thành viên của đơn vị chuyên môn, NCS, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).
3. Hiệu trưởng giao cho Phòng Đào tạo xây dựng quy định chi tiết hồ sơ, thủ tục danh giá luận án ở đơn vị chuyên môn; quy trình và phương thức danh giá, số lượng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ của những nhà khoa học được mời nhận xét luận án; đáp ứng các quy

ngoại; có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu; có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu.

2. Phân biên độc lập là nghiên cứu khoa học, chuyên môn hoặc ở nước ngoài; có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu.

Điều 17. Phân biên độc lập luận án

1. Luận án của NCS được gửi lấy ý kiến của 2 phân biên độc lập trước khi được đánh giá ở hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

2. Phân biên độc lập là nghiên cứu khoa học, chuyên môn hoặc ở nước ngoài; có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu.

3. Trong thời gian không quá 90 ngày kể từ khi luận án được thông qua ở đơn vị chuyên môn, NCS phải trình luận án để Nhà trường thực hiện quy trình phân biên độc lập. Nếu quá thời hạn nêu trên, NCS không hoàn thành việc sửa chữa và bổ sung, luận án sẽ được đánh giá lại ở đơn vị chuyên môn. Trường hợp đặc biệt, NCS phải có đơn đề nghị có xác nhận của người hướng dẫn và được khoa quản lý chuyên môn nhất trí đề nghị Hiệu trưởng gia hạn thời gian sửa chữa và bổ sung luận án.

4. Trong thời gian không quá 90 ngày kể từ khi luận án được thông qua ở đơn vị chuyên môn, NCS phải trình luận án để Nhà trường thực hiện quy trình phân biên độc lập. Nếu quá thời hạn nêu trên, NCS không hoàn thành việc sửa chữa và bổ sung, luận án sẽ được đánh giá lại ở đơn vị chuyên môn. Trường hợp đặc biệt, NCS phải có đơn đề nghị có xác nhận của người hướng dẫn và được khoa quản lý chuyên môn nhất trí đề nghị Hiệu trưởng gia hạn thời gian sửa chữa và bổ sung luận án.

5. Luận án chỉ được thông qua để đưa ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường.

6. Luận án chỉ được thông qua để đưa ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường.

7. Luận án chỉ được thông qua để đưa ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường.

8. Luận án chỉ được thông qua để đưa ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường.

9. Luận án chỉ được thông qua để đưa ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường.

10. Luận án chỉ được thông qua để đưa ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường.

11. Luận án chỉ được thông qua để đưa ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường.

12. Luận án chỉ được thông qua để đưa ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường.

13. Luận án chỉ được thông qua để đưa ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường.

14. Luận án chỉ được thông qua để đưa ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường.

15. Luận án chỉ được thông qua để đưa ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở hội đồng đánh giá cấp Trường.

định sau:

- c) NCS không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.
- b) Luân án của NCS được các phần biên độc lập quy định tại Điều 17 của Quy định này tán thành.
- a) Luân án của NCS được đơn vị chuyên môn đề nghị đánh giá ở hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.
1. Điều kiện để NCS được bảo vệ luận án ở hội đồng đánh giá luận án cấp Trường:
- Điều 18. Điều kiện và hồ sơ để nghị đánh giá luận án ở hội đồng đánh giá luận án cấp Trường**
7. Hiệu trưởng giao cho Phòng Đào tạo xây dựng quy định chi tiết tiêu chuẩn đối với phần biên độc lập; trình tự, quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý kiến phần biên độc lập; yêu cầu về trách nhiệm bảo mật đối với cán bộ, công chức, người phân biên và đối với thông tin, tài liệu liên quan đến phần biên độc lập theo quy định hiện hành, trình Hiệu trưởng phê duyệt.
- Trong thời gian không quá 90 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ nhân xét của các phần biên độc lập, NCS phải trình luận án đến đơn vị chuyên môn để thực hiện các thủ tục tiếp theo. Nếu quá thời hạn trên, NCS phải có văn bản báo cáo giải trình để Hiệu trưởng xem xét quyết định.
8. Sau khi luận án nhận được sự đồng ý từ phần biên độc lập, người hướng dẫn và NCS xem xét bổ sung, chỉnh sửa luận án theo ý kiến của các phần biên độc lập, hoàn thiện luận án và có báo cáo giải trình những điểm bổ sung, chỉnh sửa, những điểm bảo lưu ý kiến.
6. Sau khi luận án nhận được sự đồng ý từ phần biên độc lập, người hướng dẫn và lấy kiến lần thứ hai của các phần biên độc lập không tán thành lần đầu.
5. Luận án đánh giá lại, sau khi được chỉnh sửa, bổ sung phải được tiếp tục gửi đi đơn vị chuyên môn.
- Trường hợp phần biên độc lập thứ ba không tán thành, luận án phải đánh giá lại ở đồng cấp Trường;
- Trường hợp phần biên độc lập thứ ba tán thành, luận án được đưa ra bảo vệ ở hội đồng cấp Trường.
- c) Trường hợp có 1 trong 2 phần biên độc lập không tán thành, luận án được gửi đến phần biên độc lập thứ ba.
- b) Trường hợp cả 2 phần biên độc lập không tán thành, luận án phải đánh giá lại ở đơn vị chuyên môn.
- a) Trường hợp cả 2 phần biên độc lập tán thành, luận án được đưa ra bảo vệ ở hội đồng cấp Trường.
4. Xử lý kết quả phần biên độc lập:
- gia luận án cấp Trường.
3. Danh sách phần biên độc lập là tài liệu mật của Trường. Đơn vị chuyên môn (khoa quản lý chuyên môn), người hướng dẫn và NCS không được phép tìm hiểu về phần biên độc lập. Phần biên độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phần biên luận án hay khi tham gia vào hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.
- thiên luận án: không là cấp trên/ cấp dưới trực tiếp với NCS; chưa từng tham gia hội NCS; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ NCS và người hướng dẫn trong quá trình hoàn cừu của luận án; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột với

án của NCS, có năng lực và uy tín chuyên môn, am hiểu lĩnh vực nghiên cứu của đề tài

a) Chủ tịch hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với đề tài luận

hướng dẫn NCS có thể được mời tham gia hội đồng với tư cách là ủy viên.

4. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 3 phản biện và các ủy viên; đại diện tập thể

ngành đang triển khai đào tạo thí điểm tại Trường.

b) Hiệu trưởng quyết định số lượng giáo sư, phó giáo sư, số lượng thành viên là cán

bộ, giảng viên của Trường trong trường hợp tổ chức danh gia luận án tiến sĩ của NCS các

không quá 3 người.

a) Hội đồng gồm 7 thành viên; trong đó: số thành viên có chức danh giáo sư, phó

giáo sư tối thiểu là 5 người; số thành viên đã tham gia hội đồng danh gia luận án ở đơn vị

chuyên môn tối đa không quá 3 người; số thành viên là cán bộ cơ hữu của Trường tối đa

trong kỳ yêu hội thảo quốc tế có phản biện.

3. Số lượng thành viên hội đồng:

a) Hội đồng gồm 7 thành viên; trong đó: số thành viên có chức danh giáo sư, phó

giáo sư tối thiểu là 5 người; số thành viên đã tham gia hội đồng danh gia luận án ở đơn vị

chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của NCS; đối với

người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 3 năm (36 tháng) làm

công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ.

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có

quan đến lĩnh vực nghiên cứu của NCS, trong đó người phản biện phải có tối thiểu 1 bài

báo hoặc bảo cáo khoa học đăng trên tập chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc

trong kỳ yêu hội thảo quốc tế có phản biện.

3. Số lượng thành viên hội đồng:

a) Hội đồng gồm 7 thành viên; trong đó: số thành viên có chức danh giáo sư, phó

giáo sư tối thiểu là 5 người; số thành viên đã tham gia hội đồng danh gia luận án ở đơn vị

chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của NCS; đối với

người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 3 năm (36 tháng) làm

công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ.

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có

quan đến lĩnh vực nghiên cứu của NCS, trong đó người phản biện phải có tối thiểu 1 bài

báo hoặc bảo cáo khoa học đăng trên tập chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc

trong kỳ yêu hội thảo quốc tế có phản biện.

luận án; có kinh nghiệm trong đào tạo sau đại học và trong chỉ đạo, điều khiển các buổi đánh giá luận án; chịu trách nhiệm về các hồ sơ liên quan đến việc bảo vệ cấp Trường của NCS.

b) Thư ký hội đồng là người am hiểu lĩnh vực nghiên cứu của đề tài luận án, nắm chắc các thủ tục bảo vệ luận án, có nhiệm vụ kiểm tra và chịu trách nhiệm về các hồ sơ của NCS, hồ sơ liên quan đến buổi đánh giá luận án, các văn bản nhân xét, tổng hợp các ý kiến nhân xét gửi đến trước buổi đánh giá, ghi biên bản chỉ tiết của buổi đánh giá và hoàn thành các thủ tục liên quan.

c) Người phản biện phải đáp ứng quy định tại Điểm c, Khoản 2 Điều này. Đồng thời, người phản biện phải là những người am hiểu sâu luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học của luận án; không là đồng tác giả với NCS trong công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ NCS và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án; không là cấp trên/cấp dưới trực tiếp với NCS. Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án; đọc và viết nhận xét luận án, trong đó cần ghi rõ luận án có đáp ứng được yêu cầu của một luận án tiến sĩ hay không.

d) Các thành viên hội đồng phải đọc và gửi bản nhận xét luận án của NCS trước khi dự phiên họp của hội đồng đánh giá luận án 10 ngày.

5. Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột của NCS không tham gia hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

6. Sau khi NCS đáp ứng các điều kiện tại Điều 18 của Quy định này, đồng thời toàn văn luận án, tóm tắt luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử Trường, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận án cấp Trường. Nội dung toàn văn luận án, tóm tắt luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án đồng thời được gửi đến DHTN để công bố công khai trên trang thông tin điện tử DHTN.

Điều 20. Đánh giá luận án ở cấp Trường

1. Hiệu trưởng quy định thời hạn, điều kiện, trình tự, thủ tục tổ chức buổi đánh giá luận án ở cấp Trường đảm bảo những quy định sau:

a) Luận án phải được đánh giá công khai từ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 21 của Quy định này.

b) Thời gian, địa điểm tổ chức đánh giá luận án; tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, của DHTN ít nhất 20 ngày trước ngày bảo vệ từ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 21 Quy định này.

c) Các thành viên hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi đến Trường (thông qua Phòng Đào tạo) ít nhất trước 10 ngày trước ngày tổ chức họp hội đồng đánh giá luận án của NCS. Phòng Đào tạo xây dựng mẫu văn bản nhận xét luận án; phiếu đánh giá luận án bám sát các yêu cầu theo quy định, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

d) Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- Vàng mắt chủ tịch hội đồng;
- Vàng mắt thư ký hội đồng;

liên quan theo quy chế bảo mật của Nhà nước.

2. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về các quy định bảo mật trong quá trình tổ chức

đào tạo, nghiên cứu, thực hiện luận án, tổ chức đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu theo chế độ mật và luận án bảo vệ theo chế độ mật phải được GD&ĐT đồng ý bằng văn bản.

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Hiệu trưởng phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận NCS, báo cáo DHTN kèm theo căn cứ xác định tính chất mật của đề tài. DHTN báo cáo Bộ GD&ĐT hồ sơ bảo vệ luận án

Điều 21. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Hiệu trưởng phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận NCS, báo cáo DHTN kèm theo căn cứ xác định tính chất mật của đề tài. DHTN báo cáo Bộ GD&ĐT hồ sơ bảo vệ luận án theo chế độ mật và luận án bảo vệ theo chế độ mật phải được GD&ĐT đồng ý bằng văn bản.

2. Trong thời hạn tối đa là 60 ngày kể từ khi có quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận án, hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án cấp Trường. Trong trường hợp cần thiết (vì lý do khách quan hoặc do có thành viên đề nghị không tham gia hội đồng), Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng đánh giá luận án cấp Trường và thời hạn liên quan đến hoạt động của hội đồng được tính từ ngày quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên có hiệu lực.

2. Trong thời hạn tối đa là 60 ngày kể từ khi có quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận án, hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án cấp Trường. Trong trường hợp cần thiết (vì lý do khách quan hoặc do có thành viên đề nghị không tham gia hội đồng), Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng đánh giá luận án cấp Trường và thời hạn liên quan đến hoạt động của hội đồng được tính từ ngày quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên có hiệu lực.

h) Sau khi NCS hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo nghị quyết của hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chỉ tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, chủ tịch và thư ký hội đồng.

g) Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án cấp Trường phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản được toàn thể thành viên hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký hội đồng.

g) Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án cấp Trường phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản được toàn thể thành viên hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký hội đồng.

g) Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án cấp Trường phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản được toàn thể thành viên hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký hội đồng.

g) Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án cấp Trường phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản được toàn thể thành viên hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký hội đồng.

g) Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án cấp Trường phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản được toàn thể thành viên hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký hội đồng.

g) Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án cấp Trường phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản được toàn thể thành viên hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký hội đồng.

g) Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án cấp Trường phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản được toàn thể thành viên hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký hội đồng.

g) Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án cấp Trường phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản được toàn thể thành viên hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký hội đồng.

g) Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án cấp Trường phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản được toàn thể thành viên hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký hội đồng.

g) Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án cấp Trường phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản được toàn thể thành viên hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký hội đồng.

g) Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án cấp Trường phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản được toàn thể thành viên hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký hội đồng.

g) Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án cấp Trường phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản được toàn thể thành viên hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký hội đồng.

g) Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án cấp Trường phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản được toàn thể thành viên hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký hội đồng.

d) Số lượng hồ sơ: 1 bộ.

này.

- c) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của NCS quy định tại Khoản 2, Điều 28 của Quy định quy định tại Khoản 2, Điều 18 của Quy định này.
- b) Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở hội đồng đánh giá luận án cấp Trường của NCS Quy định này.
- a) Hồ sơ dự tuyển NCS có đầy đủ minh chứng về điều kiện dự tuyển tại Điều 6 của Quy định này.

Điều 24. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo:
- định chi tiết nội dung thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án.
- hợp không trùng với Bộ GD&ĐT đã lựa chọn thẩm định. Giám đốc ĐHTN ban hành quy hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án được thực hiện đối với các trường ĐHTN tổ chức thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo và chất lượng luận án. Việc thẩm định 3. Trong phạm vi quản lý, kiểm tra và giám sát công tác đào tạo trình độ tiến sĩ, và chất lượng luận án.
2. Thẩm định khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung quy định tại Điều k, Khoản 2 Điều 14 Quy định này.
- được hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua trong bảo cáo định kỳ của ĐHTN 1. Thẩm định ngẫu nhiên tới đa 20% hồ sơ quá trình đào tạo, chất lượng luận án đã trong các trường hợp sau:

Điều 23. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

Việc thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án được Bộ GD&ĐT thực hiện

Chương VI THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

4. Không tổ chức đánh giá lại luận án lần thứ ba.
- được đưa ra bảo vệ. Chi phí bảo vệ luận án lần thứ hai do NCS chịu trách nhiệm chi trả.
- lần đầu. Quá thời hạn học tập và nghiên cứu theo quy định của Quy chế, luận án không 3. Trình tự, thủ tục đánh giá lại luận án thực hiện như đối với NCS bảo vệ luận án đồng có ý kiến không tán thành luận án.
- thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất nhưng không được vắng mặt thành viên hội 2. Thành phần hội đồng đánh giá luận án cấp Trường lần thứ hai phải có tối thiểu 5 Điều 9 và Khoản 1, Điều 18 của Quy định này.
- được bảo vệ luận án lần thứ hai nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều b, Khoản 7, Trường thông qua ở lần đánh giá thứ nhất, NCS được phép sửa chữa luận án và đề nghị 1. Trong trường hợp luận án của NCS không được hội đồng đánh giá luận án cấp

Điều 22. Đánh giá lại luận án ở cấp Trường

- phải đảm bảo tất cả các quy định khác của Quy định này.
4. Ngoài quy định tại Khoản 3 Điều này, NCS thực hiện luận án theo chế độ mật 20 của Quy định này.
- không phải thực hiện quy định tại Điều b, Khoản 1, Điều 16 và Điều b, Khoản 1, Điều 3. NCS thực hiện các luận án được xác định là mật quy định tại Khoản 1, Điều này

2. Hồ sơ thẩm định nội dung, chất lượng luận án:
- a) Luận án tiến sĩ đã xóa thông tin về NCS, người hướng dẫn NCS và Trường.
- b) Tóm tắt luận án đã xóa thông tin về NCS, người hướng dẫn NCS và Trường.
- c) Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của NCS theo quy định (đã xóa thông tin về NCS, các đồng tác giả nếu có).
- d) Số lượng hồ sơ: 3 bộ.

Điều 25. Quy trình thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của EHTN theo quy định, Bộ GD&ĐT sẽ thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần thẩm định và nội dung yêu cầu thẩm định cụ thể.
2. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của EHTN theo quy định, Bộ GD&ĐT sẽ tiến hành thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.
3. Quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi hồ sơ thẩm định đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án của

4. Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến đánh giá của 3 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có kinh nghiệm chuyên môn, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của NCS.
- a) Luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu tối thiểu hai trong ba ý kiến thẩm định luận án tán thành.
- b) Trong trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định quy định tại Điều a Khoản này hoặc có đơn thư tố cáo về nội dung và chất lượng luận án thì Bộ GD&ĐT ra quyết định thành lập hội đồng thẩm định luận án, uỷ quyền cho EHTN tổ chức họp hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ GD&ĐT.
5. Đối với các trường hợp thẩm định của EHTN, việc xử lý kết quả thẩm định được thực hiện theo quy định riêng, nhưng bám sát các nội dung Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.

Điều 26. Hội đồng thẩm định luận án

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 7 thành viên, trong đó có tối thiểu 4 thành viên chưa tham gia hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn, chưa là phản biện độc lập hoặc chưa là thành viên hội đồng đánh giá luận án cấp Trường; có các nhà khoa học tham gia thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại Khoản 4, Điều 25 Quy chế 08/2017.
2. Tiêu chuẩn của thành viên hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn của thành viên hội đồng đánh giá luận án cấp Trường quy định tại Khoản 2, Điều 19 Quy chế 08/2017.
3. Hội đồng thẩm định luận án có chủ tịch, thư ký và các ủy viên.
4. Hội đồng chỉ họp khi có mặt tối thiểu 6 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có).
5. Nhiệm vụ của hội đồng thẩm định: xem xét, đánh giá và quyết nghị về nội dung, chất lượng luận án hoặc làm rõ những nội dung thư khiếu nại, tố cáo.
6. Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 2 thành viên hội đồng có mặt trở lên không tán thành.

2. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của NCS gồm:

- (cô).
- chứa theo yêu cầu của hội đồng đánh giá luận án cấp Trường và hội đồng thẩm định (nếu NCS, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Hiệu trưởng sau khi đã bỏ sung, sửa toàn văn luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký, ghi rõ họ tên của Trường, Trung tâm Học liệu ĐHTN, Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản in và file pdf)
- d) Đã đăng trên trang thông tin điện tử của Trường, của ĐHTN và nộp thư viện Điều 25 Quy chế 08/2017.
- kết quả thẩm định của Bộ GD&ĐT khi đã hết thời hạn thẩm định quy định tại Khoản 2, Điểm a, Khoản 4, Điều 25 và Khoản 1, Điều 27 Quy chế 08/2017; hoặc chưa nhận được Khoản 1, Điều 25 thì kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu quy định tại Khoản 3 và Khoản 1, Điều 25 thì kết quả thẩm định theo thông báo của Bộ GD&ĐT quy định tại
- c) Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của Bộ GD&ĐT quy định tại đồng xác nhận (nếu có).
- đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường và được người hướng dẫn, Hiệu trưởng, chủ tịch Hội đồng NCS đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án theo quyết nghị của hội đồng (90 ngày).
- b) NCS đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án theo quyết nghị của hội đồng
- a) Luận án của NCS đã được hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua đủ 3
1. Điều kiện để NCS được xét cấp bằng tiến sĩ:

Điều 28. Cấp bằng tiến sĩ

chứng kèm theo.

- ly kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này với các minh
- GD&ĐT về kết quả thẩm định, Hiệu trưởng gửi văn bản báo cáo Bộ GD&ĐT về việc xử
4. Trong thời gian tối đa 2 tháng (60 ngày) kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ
- Bộ GD&ĐT, Hiệu trưởng bổ sung hoàn thiện hồ sơ và giải trình.
3. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của
- định tại Khoản 2, Điều 31 Quy chế 08/2017.
- b) Trong trường hợp NCS đã được cấp bằng tiến sĩ thì Nhà trường xử lý theo quy
- sung và đề nghị đánh giá lại luận án theo quy định tại Điều 22 của Quy chế 08/2017.
- a) Trong trường hợp NCS chưa được cấp bằng tiến sĩ, NCS được phép sửa đổi, bổ
2. Đối với luận án không được hội đồng thẩm định thông qua:
- hoặc Hội đồng thẩm định.
- xem xét, quyết định các điểm cần sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của người thẩm định
- đổi, bổ sung, hội đồng đánh giá luận án cấp Trường cùng với người hướng dẫn và NCS
- 25 Quy chế 08/2017 hoặc được hội đồng thẩm định thông qua nhưng yêu cầu phải sửa
1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định theo quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều

Điều 27. Xử lý kết quả thẩm định

- đổi hoặc là kết quả thẩm định cuối cùng về nội dung, chất lượng luận án.
- nếu có từ 3 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp
- có ý kiến không tán thành của hai hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua
- đồng dự họp tới thiểu số là 12 người, trong đó chủ tịch, phân biên, thư ký và các thành viên
- cấp Trường có sự tham dự của đại diện Bộ GD&ĐT. Số lượng thành viên của hai hội
- chức và chủ trì đối thoại giữa hội đồng thẩm định luận án và hội đồng đánh giá luận án
7. Trong trường hợp luận án không được hội đồng thẩm định thông qua, ĐHTN tổ

2. Việc thu hồi bằng tiền sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những

lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiền sĩ, Bộ GD&ĐT, DHTN có văn

Điều 31. Xử lý vi phạm

1. Trong trường hợp phát hiện có vi phạm trong hồ sơ tuyển sinh, tổ chức và quản

lý hoạt động đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án; cấp bằng tiền sĩ và

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm hồ sơ tuyển sinh; công tác tổ chức và quản

của Trường theo quy định hiện hành.

1. Bộ GD&ĐT, DHTN thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiền sĩ

Điều 30. Thanh tra, kiểm tra

định của Luật Khiếu nại, Luật tố cáo.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy

bằng tiền sĩ.

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và NCS có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi

Điều 29. Khiếu nại, tố cáo

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Chương VII

NCS được xét cấp bằng tiền sĩ và ra quyết định cấp bằng tiền sĩ cho NCS.

chức cuộc họp thường kỳ thường trực Hội đồng KH&ĐT Trường để thông qua danh sách

án, việc tổ chức và hoạt động của hội đồng đánh giá luận án cấp Trường trước khi tổ

4. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận

lưu trữ hồ sơ cấp bằng theo quy định.

bảng cho NCS khi NCS đáp ứng đầy đủ điều kiện qui định tại Khoản 1 Điều này và

3. Trường ĐHKTCN tập hợp hồ sơ xét cấp bằng tiền sĩ và tiến hành thủ tục cấp

h) Các tài liệu khác theo quy định của Trường.

quy định tại Điều 21 Quy định này.

luận án; ngày tổ chức đánh giá luận án trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật

DHTN; ngày công bố trang thông tin các điểm mới của luận án, toàn văn luận án, tóm tắt

g) Minh chứng công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và của

Nam, Trung tâm Học liệu DHTN và Thư viện của Trường.

e) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt

có mặt tại buổi đánh giá luận án của NCS.

d) Danh sách có chữ ký của các thành viên hội đồng đánh giá luận án cấp Trường

nhân xét của phản biện và các thành viên hội đồng.

d) Ban nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn hoặc tập thể hướng dẫn NCS; Ban

luận án cấp Trường có mặt tại buổi đánh giá.

c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá của tất cả các thành viên hội đồng đánh giá

b) Quyết nghị của hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

a) Biên bản họp hội đồng đánh giá luận án ở cấp Trường.

đền đề tài luận án của NCS.

c) NCS thực hiện những đề tài thuộc Nhóm ngành I (quy định tại phụ lục V) phải công bố nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án trong tối thiểu 2 bài báo hoặc báo cáo, trong đó có 1 bài báo bằng tiếng nước ngoài trên các tạp chí thuộc danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước hoặc trên các tạp

chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài.

d) NCS thực hiện những đề tài thuộc Nhóm ngành II (quy định tại Phụ lục V) phải công bố nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án trong tối thiểu 2 bài báo hoặc báo cáo, trong đó có 1 báo cáo đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 1 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện.

3. Đối với các khóa tuyển sinh kể từ ngày 01/01/2019 trở đi, người hướng dẫn NCS phải thực hiện quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 11 và NCS phải thực hiện quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 16 của Quy định này.

Điều 33. Tổ chức thực hiện

Hiệu trưởng giao cho Phòng Đào tạo xây dựng văn bản hướng dẫn chi tiết công tác quản lý và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường, nhưng không trái với Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-ĐHTN ngày 28/8/2017 của Giám đốc ĐHTN và Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có những điểm chưa hợp lý sẽ chỉnh sửa, bổ sung sau.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

